



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số .6.H./QĐ-ĐHĐĐ ngày .11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình : Thương mại điện tử

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Cử nhân thương mại điện tử

Mã ngành : 7340122

Loại hình đào tạo : Chính quy

Phiên bản điều chỉnh 2025, lần 2

Hà Nội, 2025

Số: 64 /QĐ - ĐHĐĐ

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy,
trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

Căn cứ Quyết định số 534/TTg ngày 03/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 17/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học Dân lập Đông Đô sang loại hình trường đại học tư thực;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 62/QĐ-ĐHĐĐ-HĐT ngày 02/10/2023 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Hướng dẫn về việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo số 498/HD-ĐHĐĐ ngày 06/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo số 17/BB-ĐHĐĐ ngày 24/01/2025 thông qua chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần, điều chỉnh năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 16 chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy; 05 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ; 01 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và các đề cương chi tiết học phần tương ứng (có danh mục chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025 (K30) trở đi.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng phòng: Hành chính - Tổng hợp, Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo, Khảo thí và Quản lý chất lượng; Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- HĐT, BGH;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



TS. Đào Hải



DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)

1. Danh mục 16 chương trình đào tạo trình độ đại học

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Ngôn ngữ Anh	7220201
2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204
3	Ngôn ngữ Nhật	7220209
4	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210
5	Quản lý nhà nước	7310205
6	Quản trị kinh doanh	7340101
7	Thương mại điện tử	7340122
8	Tài chính ngân hàng	7340201
9	Kế toán	7340301
10	Luật Kinh tế	7380107
11	Công nghệ thông tin	7480201
12	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205
13	Thú Y	7640101
14	Dược học	7720201
15	Điều dưỡng	7720301
16	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601

2. Danh mục 05 chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Quản lý kinh tế	8310110
2	Quản trị kinh doanh	8340101
3	Tài chính – Ngân hàng	8340201
4	Quản lý công	8340403
5	Kiến trúc	8580101

3. Danh mục 01 chương trình đào tạo trình độ tiến sỹ

Stt	Tên ngành	Mã ngành
2	Quản trị kinh doanh	9340101

Handwritten signature



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÓ



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số .64./QĐ-ĐHĐĐ ngày .11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình : Thương mại điện tử
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Cử nhân thương mại điện tử
Mã ngành : 7340122
Loại hình đào tạo : Chính quy

Phiên bản điều chỉnh 2025, lần 2

Hà Nội, 2025



MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
1.	Giới thiệu về chương trình đào tạo	3
1.1.	Giới thiệu về chương trình đào tạo	3
1.2.	Thông tin chung	3
2.	Mục tiêu đào tạo	4
2.1.	Triết lý giáo dục của Trường đại học Đông Đô	4
2.2.	Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Thương mại điện tử	8
2.3.	Mục tiêu của chương trình đào tạo	8
2.3.1.	Mục tiêu chung	8
2.3.2.	Mục tiêu cụ thể	9
3.	Chuẩn đầu ra của chương trình đào	9
4.	Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp	12
5.	Đối sánh chương trình đào tạo	13
6.	Nội dung chương trình đào tạo	14
6.1.	Cấu trúc chương trình đào tạo	14
6.2.	Danh sách học phần	14
6.3.	Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT	16
6.4.	Kế hoạch dạy học	20
6.5.	Chiến lược giảng dạy - học tập	22
6.6.	Chiến lược và phương pháp đánh giá	23
6.7.	Sơ đồ tiến trình đào tạo	26
7.	Mô tả tóm tắt học phần	27
8.	Hướng dẫn thực hiện chương trình	61

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số...../QĐ- ĐHĐĐ ngày.....tháng..... năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Cử nhân Thương mại điện tử được thiết kế với tổng số tín chỉ là 130 bao gồm: khối kiến thức giáo dục đại cương; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp. Chương trình đào tạo được điều chỉnh từ chương trình 2023 được bổ sung nhiều nội dung để cập nhật các kiến thức, kỹ năng đáp ứng nhu cầu mới của thị trường lao động nhằm cung cấp cho người học nền tảng kiến thức vững chắc về kinh tế, quản trị, marketing kết hợp với công nghệ số và các mô hình kinh doanh trên môi trường trực tuyến. Sinh viên được trang bị hệ thống kiến thức từ cơ sở đến chuyên sâu về hệ thống và nền tảng thương mại điện tử, quản trị website và sàn thương mại điện tử, marketing số, logistics và giao nhận trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, bảo mật, phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh số.

Bên cạnh khối kiến thức chuyên môn, chương trình chú trọng phát triển kỹ năng nghề nghiệp như: xây dựng và vận hành gian hàng/sàn thương mại điện tử, thiết kế và triển khai chiến dịch marketing số, tối ưu hoá trải nghiệm khách hàng và hành trình mua sắm trực tuyến, tổ chức hoạt động logistics - giao nhận, xử lý đơn hàng và chăm sóc khách hàng trên môi trường số. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề), năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong kỷ nguyên chuyển đổi số.

Chương trình cũng đề cao thái độ nghề nghiệp và đạo đức kinh doanh, ý thức tuân thủ pháp luật về thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền lợi người tiêu dùng, tinh thần khởi nghiệp và học tập suốt đời. Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Thương mại điện tử có thể đảm nhiệm nhiều vị trí như: nhân viên/ chuyên viên kinh doanh online, quản trị sàn và gian hàng thương mại điện tử, chuyên viên digital marketing, quản trị nội dung số, chuyên viên chăm sóc khách hàng trực tuyến, nhân viên logistics - giao nhận trong TMĐT, hoặc khởi nghiệp với các dự án kinh doanh trên nền tảng số.

1.2. Thông tin chung

- Tên tiếng Việt: Thương mại điện tử
- Tên tiếng Anh: E-commerce
- Mã ngành: 7480201
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian: 3 - 3,5 năm
- Tên bằng tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Cử nhân Thương mại điện tử

- + Tiếng Anh: Bachelor of E-commerce
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Kinh tế
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đông Đô
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:
- + *Đối tượng tuyển sinh (chuẩn đầu vào):*
 - Học sinh tốt nghiệp lớp 12
 - Người học đã tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, đại học;
 - Sinh viên đang học từ năm thứ 2 trở đi của trường Đại học Đông Đô
- + *Các phương thức xét tuyển:*
 - Theo quy chế tuyển sinh được Trường Đại học Đông Đô cập nhật hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - Điều kiện tốt nghiệp:
- + Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- + Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0/4,0 trở lên;
 - + Điểm rèn luyện đạt từ loại khá trở lên
 - + Hoàn thành các chứng chỉ và các nghĩa vụ quy định như:
 - Có chứng chỉ giáo dục thể chất
 - Có chứng chỉ GDAQP, NN trình độ B.
 - Hoàn thành học phí, không nợ tài liệu, sách, các trang thiết bị kỹ thuật khác
 - + Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Đông Đô

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Đông Đô là “Nhân văn - Sáng tạo - Thực nghiệp” được chuyển tải một cách cụ thể vào CTĐT và được thể hiện ở bảng dưới đây.

Bảng 1. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Đông Đô được chuyển tải vào CTĐT

STT	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin	Triết lý giáo dục của Trường Đại học Đông Đô		
		Nhân văn	Sáng tạo	Thực nghiệp
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
1.1. Học phần bắt buộc				
1	Triết học Mác-Lênin	x		
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x		
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x		
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x		

6	Kỹ năng mềm	x		x
7	Pháp luật đại cương	x		x
8	Tin học đại cương		x	x
9	Năng lực số		x	x
10	Toán kinh tế		x	x
1.2. Học phần tự chọn (chọn 2/5 học phần)				
11	Ngôn ngữ Anh 1	x		x
12	Ngôn ngữ Anh 2	x		x
13	Ngôn ngữ Anh 3	x		x
14	Ngôn ngữ Trung 1	x		x
15	Ngôn ngữ Trung 2	x		x
16	Ngôn ngữ Trung 3	x		x
Giáo dục Thể chất, Giáo dục QPAN				
17	Giáo dục QPAN	x		
18	Giáo dục thể chất	x		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				
2.1.1. Học phần bắt buộc				
19	Kinh tế vi mô	x		x
20	Kinh tế vĩ mô	x		x
21	Nguyên lý kế toán	x		x
22	Tài chính tiền tệ	x		x
23	Lập trình Python		x	x
24	Mạng máy tính & truyền số liệu		x	x
25	Tiếp thị & Hành vi người tiêu dùng số	x	x	x
26	Kinh doanh quốc tế	x	x	x
27	Pháp luật trong Thương mại điện tử	x		x
28	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh		x	x
29	Định hướng nghề nghiệp & Trải nghiệm DN	x	x	x
2.1.2. Học phần tự chọn (chọn 2/5 học phần)				
30	Quản trị nhân lực	x	x	x
31	Quản trị doanh nghiệp	x	x	x
32	Kỹ năng lãnh đạo	x	x	x
33	Văn hóa doanh nghiệp & Đạo đức kinh doanh	x		x
34	Chuyển đổi số & Khởi nghiệp	x	x	x
2.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành				
2.2.1. Học phần bắt buộc				
35	An ninh và Thanh toán số trong Thương mại điện tử	x	x	x
36	Phân tích Dữ liệu & Kinh doanh số	x	x	x
37	Chiến lược Số & Trải nghiệm Khách hàng	x	x	x

38	Chiến lược Thương mại điện tử B2B và phát triển thị trường doanh nghiệp	x	x	x
39	Vận hành sàn Thương mại điện tử & Thương mại giải trí	x	x	x
40	Xây dựng và Vận hành Website Thương mại điện tử	x	x	x
41	Hiệu suất tiếp thị số và quản lý kênh Thương mại điện tử	x	x	x
42	Chiến lược Digital Marketing tổng thể	x	x	x
43	Quản lý chuỗi cung ứng thông minh và hậu cần điện tử	x	x	x
44	Chiến lược phát triển Thương mại điện tử toàn cầu	x	x	x
45	Vận hành thực tế Thương mại điện tử xuyên biên giới	x	x	x
46	Thiết kế trải nghiệm khách hàng và quản lý sản phẩm Thương mại điện tử	x	x	x
47	Hệ thống thông tin & Dữ liệu kinh doanh	x	x	x
48	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và Blockchain trong đổi mới mô hình kinh doanh điện tử	x	x	x
49	Phân tích và thiết kế hệ thống Thương mại điện tử	x	x	x
50	Kinh doanh trên sàn Thương mại điện tử và mạng xã hội	x	x	x
51	Quản trị dự án Thương mại điện tử (Dự án tích hợp)	x	x	x
2.2.2. Học phần tự chọn				
52	Tiếng Anh chuyên ngành	x		x
53	Tiếng Trung chuyên ngành	x		x
54	Kinh doanh Dropshipping & POD toàn cầu trên nền tảng số	x	x	x
55	Quản trị Rủi ro Số và Chiến lược An ninh Doanh nghiệp Điện tử (Digital Risk Management & E-business Security Strategy)	x	x	x
56	Phát triển Ứng dụng Di động và Trải nghiệm Mua sắm Di động	x	x	x
57	Kỹ năng tìm nguồn hàng & Đàm phán thương mại (Thị trường Trung Quốc)	x	x	x
58	Marketing trong hệ sinh thái WeChat và Douyin	x	x	x
59	Chiến lược sáng tạo nội dung & SEO nâng cao	x	x	x
3. Thực tập, khóa luận/đồ án tốt nghiệp				
3.1 Thực tập, khoá luận tốt nghiệp				
60	Thực tập tốt nghiệp	x	x	x
61	Đồ án tốt nghiệp	x	x	x

Bảng 2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Đông Đô được truyền tải vào chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)

Chuẩn đầu ra của CTĐT		Triết lý giáo dục của Trường Đại học Đông Đô		
		Nhân văn	Sáng tạo	Thực nghiệp
2.1. CDR về kiến thức				
PLO1 K	Trình bày và phân tích được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật đại cương và đạo đức kinh doanh, chỉ ra được sự ảnh hưởng của chúng đến việc ra quyết định trong môi trường kinh doanh số.	3		1
PLO2 K	Giải thích và so sánh được các mô hình kinh doanh Thương mại điện tử (B2B, B2C, C2C, Dropshipping), các chiến lược digital marketing cốt lõi và các công nghệ nền tảng (hệ thống thanh toán, blockchain, AI) ứng dụng trong ngành.		2	1
PLO3 K	Phân tích được các yếu tố văn hóa, pháp lý, kinh tế ảnh hưởng đến hoạt động Thương mại điện tử xuyên biên giới, đặc biệt đối với thị trường Trung Quốc và khu vực.	2		2
PLO4 K	Áp dụng được các nguyên tắc phân tích dữ liệu, thiết kế hệ thống thông tin và trải nghiệm người dùng vào việc đề xuất cải tiến cho một website hoặc chiến dịch kinh doanh số cụ thể.		1	2
PLO5 K	Xây dựng được kế hoạch triển khai an ninh, bảo mật và quản trị rủi ro cho các hoạt động Thương mại điện tử, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.	1		2
2.2. Chuẩn đầu ra về Kỹ năng				
PLO6 S	Vận hành thành thạo ít nhất một nền tảng TMĐT (website tự xây dựng hoặc gian hàng trên sàn) để thực hiện đầy đủ quy trình từ đăng tải sản phẩm, xử lý đơn hàng, đến chăm sóc khách hàng cơ bản.			3
PLO7 S	Thiết kế và triển khai được một chiến dịch marketing số hoàn chỉnh (bao gồm ít nhất 2 kênh: SEO, Social, Email, Quảng cáo), thể hiện được trong báo cáo kết quả với các chỉ số đo lường (KPI) cụ thể.		2	3
PLO8 S	Giao tiếp hiệu quả (thuyết trình, viết báo cáo, đàm phán) bằng văn bản và lời nói trong môi trường đa	3		2

	văn hóa, sử dụng được tiếng Anh hoặc tiếng Trung chuyên ngành ở mức độ phục vụ công việc.			
PLO9 S	Xây dựng được một bản kế hoạch kinh doanh/kế hoạch dự án TMĐT đầy đủ các nội dung: phân tích thị trường, chiến lược sản phẩm, marketing, tài chính, nhân sự và đánh giá rủi ro.	1	1	3
PLO10 S	Sử dụng thành thạo các công cụ số phục vụ công việc (phần mềm văn phòng, công cụ thiết kế cơ bản, Google Analytics, nền tảng quảng cáo) và tiếp cận, thử nghiệm được một công nghệ mới nổi (AI, Blockchain) trong bối cảnh kinh doanh.		1	3
2.3. Chuẩn đầu ra về Thái độ/ mức tự chủ và chịu trách nhiệm				
PLO11 A	Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, tính trung thực và ý thức tuân thủ pháp luật, quy định trong tất cả các bài tập, dự án và hoạt động học tập, bao gồm việc tôn trọng bản quyền và bảo mật thông tin.	3		1
PLO12 A	Chứng minh được năng lực tự học và thích ứng thông qua việc tự nghiên cứu, cập nhật và báo cáo về một xu hướng TMĐT mới; tiếp nhận và cải thiện công việc dựa trên các phản hồi.	1	2	1

2.2. Tầm nhìn và sứ mạng của khoa Thương mại điện tử

2.2.1. Sứ mạng

Đào tạo nhân lực chất lượng cao; ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển giao tri thức; đồng kiến tạo vì sự phát triển bền vững của xã hội và đất nước.

2.2.2. Tầm nhìn

Trở thành một đại học ứng dụng và thực hành hàng đầu trong nước với nòng cốt là kỹ thuật và công nghệ, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam hòa bình và thịnh vượng.

2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.3.1. Mục tiêu chung (Programme General Objectives - PGO)

Chương trình đào tạo Cử nhân Thương mại điện tử nhằm đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; có kiến thức nền tảng về kinh tế – quản trị – marketing, kiến thức chuyên sâu về thương mại điện tử và kinh doanh số; có năng lực ứng dụng công nghệ, phân tích dữ liệu, tổ chức và vận hành các hệ thống, nền tảng thương mại điện tử trong nước và xuyên biên giới; có khả năng ngoại ngữ, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh chuyển đổi số, đồng thời có tiềm năng phát triển nghề nghiệp và học tập suốt đời.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể: (Programme Objectives – Gọi tắt là POs)

PO1: (K) Đào tạo cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; có ý thức trách nhiệm xã hội, tuân thủ pháp luật và ứng xử văn hóa trong môi trường kinh doanh số, đặc biệt trong bối cảnh kinh doanh xuyên biên giới đầy rủi ro.

PO2: (K) Trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng toàn diện về kinh tế, quản trị, công nghệ thông tin, ngoại ngữ và kiến thức cốt lõi, cập nhật về các mô hình kinh doanh, chiến lược và công nghệ trong lĩnh vực thương mại điện tử.

PO3: (S) Hình thành cho người học năng lực thực hành nghề nghiệp cơ bản và nâng cao, bao gồm kỹ năng vận hành nền tảng TMĐT, triển khai các chiến dịch marketing số, phân tích dữ liệu kinh doanh và hiểu biết về quy trình kinh doanh xuyên biên giới.

PO4: (S) Rèn luyện cho người học năng lực tư duy hệ thống, phân tích vấn đề và kỹ năng lập kế hoạch, quản lý dự án trong lĩnh vực thương mại điện tử, tạo nền tảng cho vị trí quản lý và định hướng khởi nghiệp.

PO5: (A) Hình thành cho người học kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, đàm phán chuyên nghiệp và sử dụng thành thạo ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Trung) chuyên ngành để làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và toàn cầu hóa.

PO6: (A) Bồi dưỡng cho người học tinh thần chủ động, ý thức tự học, khả năng cập nhật kiến thức và thích nghi với sự thay đổi của môi trường công nghệ và kinh doanh số.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bảng 3. Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Mô tả chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức năng lực
3.1. Kiến thức		
PLO1 K	Trình bày và phân tích được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật đại cương và đạo đức kinh doanh, chỉ ra được sự ảnh hưởng của chúng đến việc ra quyết định trong môi trường kinh doanh số.	K3/6
PLO2 K	Giải thích và so sánh được các mô hình kinh doanh Thương mại điện tử (B2B, B2C, C2C, Dropshipping), các chiến lược digital marketing cốt lõi và các công nghệ nền tảng (hệ thống thanh toán, blockchain, AI) ứng dụng trong ngành.	K3/6
PLO3 K	Phân tích được các yếu tố văn hóa, pháp lý, kinh tế ảnh hưởng đến hoạt động Thương mại điện tử xuyên biên giới, đặc biệt đối với thị trường Trung Quốc và khu vực.	K3/6
PLO4 K	Áp dụng được các nguyên tắc phân tích dữ liệu, thiết kế hệ thống thông tin và trải nghiệm người dùng vào việc đề xuất cải tiến cho một website hoặc chiến dịch kinh doanh số cụ thể.	K3/6

PLO5 K	Xây dựng được kế hoạch triển khai an ninh, bảo mật và quản trị rủi ro cho các hoạt động Thương mại điện tử, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.	K3/6
3.2. Kỹ năng		
PLO6 S	Vận hành thành thạo ít nhất một nền tảng TMĐT (website tự xây dựng hoặc gian hàng trên sàn) để thực hiện đầy đủ quy trình từ đăng tải sản phẩm, xử lý đơn hàng, đến chăm sóc khách hàng cơ bản.	S3/6
PLO7 S	Thiết kế và triển khai được một chiến dịch marketing số hoàn chỉnh (bao gồm ít nhất 2 kênh: SEO, Social, Email, Quảng cáo), thể hiện được trong báo cáo kết quả với các chỉ số đo lường (KPI) cụ thể.	S4/6
PLO8 S	Giao tiếp hiệu quả (thuyết trình, viết báo cáo, đàm phán) bằng văn bản và lời nói trong môi trường đa văn hóa, sử dụng được tiếng Anh hoặc tiếng Trung chuyên ngành ở mức độ phục vụ công việc.	S3/6
PLO9 S	Xây dựng được một bản kế hoạch kinh doanh/kế hoạch dự án TMĐT đầy đủ các nội dung: phân tích thị trường, chiến lược sản phẩm, marketing, tài chính, nhân sự và đánh giá rủi ro.	S3/6
PLO10 S	Sử dụng thành thạo các công cụ số phục vụ công việc (phần mềm văn phòng, công cụ thiết kế cơ bản, Google Analytics, nền tảng quảng cáo) và tiếp cận, thử nghiệm được một công nghệ mới nổi (AI, Blockchain) trong bối cảnh kinh doanh.	S4/6
3.3. Thái độ/ mức tự chủ và chịu trách nhiệm		
PLO11 A	Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, tính trung thực và ý thức tuân thủ pháp luật, quy định trong tất cả các bài tập, dự án và hoạt động học tập, bao gồm việc tôn trọng bản quyền và bảo mật thông tin.	A4/6
PLO12 A	Chứng minh được năng lực tự học và thích ứng thông qua việc tự nghiên cứu, cập nhật và báo cáo về một xu hướng TMĐT mới; tiếp nhận và cải thiện công việc dựa trên các phản hồi.	A3/6

Bảng 2. Môi quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT

Mục tiêu CTĐT (POs)	CĐR của CTĐT (PLOs)											
	K				S					A		
	(Kiến thức)				(Kỹ năng)					(Mức tự chủ và chịu trách nhiệm)		
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
PO1	K3									A3		
PO2		K3	K3	K3			S3					
PO3				K3	S3	S4						
PO4									S4		A4	
PO5								S3				
PO6												A3

Bảng 3. Môi quan hệ giữa CĐR của CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc 6)

CĐR Chương trình ĐT	Kiến thức (K)						Kỹ năng (S)					Thái độ/Mức tự chủ và chịu trách nhiệm (A)				
	K1	K2	K3	K4	K5	K6	S1	S2	S3	S4	S5	A1	A2	A3	A4	A5
PLO1	x											x	x			
PLO2		x														
PLO3			x													
PLO4			x							x						
PLO5							x	x								
PLO6										x					x	
PLO7					x			x								
PLO8									x		x					x
PLO9										x					x	
PLO10												x	x			
PLO11											x			x		
PLO12											x				x	

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp chương trình Cử nhân Thương mại điện tử, người học có khả năng đảm nhận nhiều vị trí công việc khác nhau trong các loại hình tổ chức đa dạng như: doanh nghiệp thương mại điện tử, doanh nghiệp sản xuất – thương mại – dịch vụ, doanh nghiệp logistics và giao nhận, công ty xuất nhập khẩu, ngân hàng và tổ chức tài chính – công nghệ (fintech), các công ty truyền thông – marketing số, sàn thương mại điện tử, doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuyên biên giới, cũng như các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Cụ thể, sinh viên có thể làm việc ở các vị trí như: chuyên viên/nhân viên thương mại điện tử, chuyên viên vận hành sàn TMĐT, chuyên viên phát triển kinh doanh số, chuyên viên Digital Marketing, chuyên viên SEO/SEM và quảng cáo trực tuyến, chuyên viên nội dung số và quản trị mạng xã hội, chuyên viên thiết kế truyền thông số và livestream bán hàng, nhân viên kinh doanh xuất nhập khẩu, nhân viên chứng từ và thanh toán quốc tế, nhân viên logistics và giao nhận trong TMĐT, nhân viên phân tích dữ liệu khách hàng/dữ liệu kinh doanh, nhân viên quản trị hệ thống, website và cơ sở dữ liệu thương mại điện tử, trợ lý kinh doanh/marketing và trợ lý quản lý trong các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường số.

Với định hướng tăng cường ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung) và năng lực số, sinh viên tốt nghiệp có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, tham gia vào các hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới, các chuỗi cung ứng toàn cầu và hệ sinh thái nền tảng số khu vực (như WeChat, Douyin, các sàn TMĐT Trung Quốc và quốc tế). Đồng thời, chương trình trang bị cho người học tư duy khởi nghiệp và kỹ năng tự tạo việc làm, giúp sinh viên có thể trở thành chủ shop online, chủ gian hàng trên sàn TMĐT, nhà sáng lập/co-founder các dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử, logistics, marketing số hoặc cung cấp dịch vụ tư vấn, triển khai giải pháp thương mại điện tử và chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhờ sự kết hợp giữa nền tảng kiến thức kinh tế – quản trị – công nghệ, kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu về thương mại điện tử, kỹ năng mềm, ngoại ngữ và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, sinh viên tốt nghiệp chương trình có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thị trường lao động trong bối cảnh chuyển đổi số, đồng thời có tiềm năng phát triển nghề nghiệp ở các vị trí cao hơn hoặc tiếp tục học tập ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

4.1. Nhóm vị trí về thương mại điện tử & kinh doanh số

- Chuyên viên/nhân viên Thương mại điện tử
- Chuyên viên vận hành sàn TMĐT (Shopee, Lazada, Tiki, TikTok Shop, WeChat Store...)
- Chuyên viên phát triển kinh doanh số
 - Quản trị gian hàng online / Quản trị sàn TMĐT
 - Chuyên viên bán hàng online / Kinh doanh online đa kênh

4.2. Nhóm vị trí về marketing số & truyền thông

- Chuyên viên Digital Marketing
- Chuyên viên SEO/SEM, quảng cáo trực tuyến
- Chuyên viên nội dung số & mạng xã hội
- Chuyên viên thiết kế truyền thông số, quảng cáo số
- Chuyên viên quản trị cộng đồng & livestream bán hàng
- Chuyên viên Marketing trên WeChat, Douyin, nền tảng Trung Quốc

4.3. Nhóm vị trí về logistics, xuất nhập khẩu & chuỗi cung ứng

- Nhân viên kinh doanh xuất nhập khẩu
- Nhân viên chứng từ, thanh toán quốc tế

- Nhân viên giao nhận, vận tải quốc tế
- Nhân viên điều phối logistics trong TMĐT (kho, giao nhận, fulfillment)
- Nhân viên hỗ trợ chuỗi cung ứng / mua hàng

4.4. Nhóm vị trí về dữ liệu, hệ thống & công nghệ trong TMĐT

- Chuyên viên phân tích dữ liệu khách hàng/ dữ liệu kinh doanh
- Nhân viên quản trị hệ thống TMĐT, website, CSDL
- Nhân viên hỗ trợ triển khai hệ thống thông tin quản lý, CRM, ERP trong DN

Với sinh viên có năng lực công nghệ tốt, có thể phát triển lên các vai trò kỹ thuật cao hơn (web dev, data engineer...) sau khi học bổ sung.

4.5. Nhóm vị trí hỗ trợ quản trị & tư vấn

- Trợ lý kinh doanh, trợ lý marketing, trợ lý giám đốc trong DN TMĐT
- Nhân viên chăm sóc khách hàng đa kênh
- Nhân viên tư vấn giải pháp TMĐT, giải pháp chuyển đổi số cho DN nhỏ và vừa

4.6. Các loại hình và tổ chức giáo dục và đào tạo

- Cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về Thương mại điện tử tại các trường, Viện, Trung tâm nghiên cứu và các Cơ sở đào tạo

4.7. Nhóm khởi nghiệp & tự tạo việc làm

- Chủ shop online, chủ gian hàng trên sàn TMĐT, chủ kênh bán hàng mạng xã hội
- Nhà sáng lập/co-founder startup trong lĩnh vực TMĐT, logistics, marketing số, dịch vụ số
- Freelancer trong các mảng: quản lý gian hàng, chạy quảng cáo, thiết kế nội dung, livestream bán hàng, tư vấn triển khai TMĐT cho doanh nghiệp nhỏ...

4.8. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp chương trình Thương mại điện tử trình độ Đại học có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở các bậc học thạc sĩ, tiến sĩ Thương mại điện tử hoặc các chương trình liên quan trong và ngoài nước.

5. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Bảng đối sánh chương trình đào tạo (Bảng 4)

STT	Nội dung so sánh	Trường ĐH Đông Đô	CÁC CHƯƠNG TRÌNH SO SÁNH		
			ĐH Kinh tế quốc dân	Học viện Ngân hàng (HVNH)	Trường ĐH Kinh tế TP.HCM (UEH)
1	Thời gian đào tạo	3,5 năm	4 năm	4 năm	4 năm
2	Định hướng chương trình	Định vị: "Thực nghiệp - Chuyên sâu thị trường - Công nghệ mới"	(Hướng Quản trị & Chiến lược)	(Hướng Tài chính - Ngân hàng số)	(Hướng Tổng hợp & Quốc tế)
3	Mục tiêu đào tạo	Cử nhân có kỹ năng thực hành nghề thành thạo, chuyên sâu về một thị trường/lĩnh vực	Cử nhân có năng lực quản lý, hoạch định chiến	Cử nhân có năng lực vận hành, quản trị TMĐT	Cử nhân có kiến thức toàn diện, khả năng thích

		(đặc biệt TT Trung Quốc), và khả năng ứng dụng công nghệ mới.	lược TMĐT, nền tảng kinh tế - quản trị vững.	trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, thanh toán số.	ứng và tư duy toàn cầu trong kinh doanh số.
4	Cấu trúc chương trình (tổng quan)	130 tín chỉ, Tỷ lệ thực hành cao (55/130 tc). Trọng tâm: Vận hành thực tế, Dự án tích hợp (4 tc), và chuyên sâu tự chọn.	~130 tín chỉ, cân đối giữa lý thuyết và thực hành. Trọng tâm khối Quản trị, Kinh tế.	~130 tín chỉ, tích hợp mạnh khối kiến thức Tài chính - Ngân hàng với TMĐT.	~130 tín chỉ, linh hoạt, nhiều môn tự chọn, nhấn mạnh Digital Marketing & Kinh doanh quốc tế.
5	Điểm nhấn về Kiến thức, Kỹ năng	Mạnh & Khác biệt về: - Vận hành thực tế: Shoppertainment, Dropshipping, TMĐT xuyên biên giới. - Chuyên sâu TT Trung Quốc: Tiếng Trung, Marketing WeChat/Douyin, tìm nguồn hàng. - Công nghệ mới: AI & Blockchain ứng dụng (môn bắt buộc).	Mạnh về: Phân tích thị trường, Quản trị chiến lược TMĐT, Quản trị chuỗi cung ứng, Pháp luật TMĐT.	Mạnh về: Thanh toán điện tử, An ninh & Bảo mật giao dịch, Quản trị rủi ro tài chính số, Ngân hàng số.	Mạnh về: Digital Marketing, Kinh doanh quốc tế số, Phân tích dữ liệu kinh doanh, Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
6	Đặc thù nổi bật	1. Tính "thực nghiệp" triệt để: Học đi đôi với hành, có dự án tích hợp làm đỉnh cao đánh giá. 2. Đáp ứng nhu cầu thị trường ngách: Đào tạo chuyên gia cho thị trường TMĐT Trung Quốc - khu vực có nhu cầu nhân lực lớn nhưng ít	Uy tín học thuật, mạng lưới doanh nghiệp rộng, hướng đào tạo nhà quản lý.	Lợi thế đặc thù ngành, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự giao thoa TMĐT - Tài chính số.	Môi trường đào tạo năng động, gắn kết doanh nghiệp tốt, chương trình linh hoạt.

		<p>được đào tạo bài bản.</p> <p>3. Tiên phong công nghệ: Đưa các công nghệ chủ chốt của CMCN 4.0 (AI, Blockchain) vào chương trình bắt buộc.</p>			
7	Hướng phát triển nghề nghiệp chính	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên vận hành sàn TMĐT/MXH. - Chuyên viên Digital Marketing (đặc biệt cho thị trường Trung Quốc). - Nhà kinh doanh/khởi nghiệp TMĐT xuyên biên giới. - Chuyên viên phân tích & ứng dụng số. 	Chuyên viên/quản lý chiến lược, nhà phân tích kinh doanh số, quản trị chuỗi cung ứng.	Chuyên viên ngân hàng số, thanh toán điện tử, quản trị rủi ro, an ninh mạng trong TMĐT.	Chuyên viên Digital Marketing, quản lý kinh doanh quốc tế số, chuyên viên phát triển sản phẩm số.

Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử trường ĐH Đông Đô được đối sánh với chương trình đào tạo của các trường Đại học cùng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như các Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử của Học viện Ngân hàng, Đại học kinh tế quốc dân, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM (UEH)

5.2. Nhận xét

So với các chương trình Thương mại điện tử tại các cơ sở đào tạo uy tín như Đại học Kinh tế Quốc dân (NEU), Học viện Ngân hàng (HVNH) và Đại học Kinh tế TP.HCM (UEH), chương trình của Trường Đại học Đông Đô được xây dựng với một định vị khác biệt và bổ sung rõ rệt, tập trung vào ba trụ cột chính:

- Định hướng "Thực Nghiệp" triệt để: Trong khi NEU thiên về quản trị chiến lược, HVNH gắn với tài chính số và UEH theo hướng tổng hợp quốc tế, chương trình này nhấn mạnh đào tạo kỹ năng nghề cụ thể, có tính ứng dụng ngay. Điều này thể hiện qua tỷ lệ thực hành cao, các môn học "nghề" đặc thù (Shoppertainment, Dropshipping) và đỉnh cao là học phần Dự án tích hợp bắt buộc (4 tín chỉ) – một điểm khác biệt nổi bật so với cấu trúc chung của các chương trình đối sánh.

- Chuyên sâu vào thị trường ngách có nhu cầu cao: Chương trình tạo lợi thế cạnh tranh độc đáo bằng việc cung cấp lộ trình bài bản để chuyên sâu vào thị trường Trung Quốc – một thị trường trọng điểm của TMĐT toàn cầu nhưng chưa được các chương trình đối

sánh đào tạo một cách có hệ thống. Đây là sự bỏ khuyết quan trọng cho thị trường lao động.

- Tích hợp công nghệ đỉnh cao ngay trong chương trình chuẩn: Khác với việc đưa AI, Blockchain vào như môn tự chọn hoặc chuyên sâu sau đại học, chương trình này xác định "Ứng dụng AI & Blockchain" là một học phần bắt buộc cốt lõi, thể hiện tầm nhìn cập nhật và mong muốn trang bị cho sinh viên nền tảng công nghệ tiên phong.

Từ đối sánh với hai chương trình nói trên có thể khẳng định rằng: chương trình Cử nhân Thương mại điện tử của nhà trường bảo đảm được tính tương đương về mức độ, khối lượng và chất lượng đào tạo; đồng thời vẫn có bản sắc riêng, thể hiện ở định hướng gắn với tiếng Trung và thương mại điện tử xuyên biên giới, tăng cường các học phần về công nghệ mới, dữ liệu và kỹ năng nghề nghiệp thực hành. Điều này giúp chương trình vừa đáp ứng các yêu cầu chung về chuẩn đầu ra của ngành Thương mại điện tử, vừa tạo ra sự khác biệt và lợi thế cạnh tranh về cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 4. Mối quan hệ giữa các khối học phần với CDR của CTĐT

Các khối kiến thức	Số TC	Tỷ lệ %	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
			Kiến thức (K)				Kỹ năng (S)					Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm (A)				
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PL O 10	PL O 11	PL O 12		
ĐC	36	27,69 %	K3	K3							S3			A3	A4	A3
CS ngành	24	18,46 %		K3	K3	K3				S3					A4	
Ngành	58	44,62 %					K3	K4	S3	S3	S4				A4	
TT & ĐAT N	12	9,23%					K3	K4		S3	S4				A4	A3
Tổng	130	100%														

6.2. Danh sách học phần

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Phân bố tín chỉ		
			Tổng số tín chỉ	Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/ thực tập
1. Kiến thức giáo dục đại cương			32	25	7
1.1. Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc			23	19	4
1	DC001	Triết học Mác-Lênin (<i>Marxist-Leninist Philosophy</i>)	3	3	0

2	DC002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (<i>Marxist-Leninist Political Economy</i>)	2	2	0
3	DC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học (<i>Scientific Socialism</i>)	2	2	0
4	DC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh (<i>Ho Chi Minh Thought</i>)	2	2	0
5	DC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (<i>History of the Communist Party of Vietnam</i>)	2	2	0
6	DC009	Kỹ năng mềm (<i>Soft Skills</i>)	2	1	1
7	DC010	Pháp luật đại cương (<i>Introduction to Law</i>)	2	2	0
8	DC011	Tin học đại cương (<i>Introduction to Informatics</i>)	3	2	1
9	DC012	Năng lực số (<i>Digital Literacy</i>)	2	1	1
10	DC013	Toán kinh tế (<i>Mathematics for Economists</i>)	3	2	1
1,2	Ngoại ngữ tự chọn		9	6	3
11	DC006	Tiếng Anh 1 (<i>English 1</i>)	3	2	1
12	DC007	Tiếng Anh 2 (<i>English 2</i>)	3	2	1
13	DC008	Tiếng Anh 3 (<i>English 3</i>)	3	2	1
14	DC014	Tiếng Trung 1 (<i>Chinese 1</i>)	3	2	1
15	DC015	Tiếng Trung 2 (<i>Chinese 2</i>)	3	2	1
16	DC016	Tiếng Trung 3 (<i>Chinese 3</i>)	3	2	1
1,3	GDQP&AN + Giáo dục thể chất				
17	DC017	Giáo dục thể chất (<i>Physical Education</i>)	3		
18	DC018	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (<i>National Defense and Security Education</i>)	8		
2. Kiến thức cơ sở ngành			28	20	8
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			24	16	8
19	TM001	Kinh tế vi mô (<i>Microeconomics</i>)	2	2	0
20	TM002	Kinh tế vĩ mô (<i>Macroeconomics</i>)	2	2	0
21	TM003	Nguyên lý kế toán (<i>Accounting principles</i>)	2	2	0
22	TM004	Tài chính tiền tệ (<i>Monetary finance</i>)	2	2	0
23	TM005	Lập trình Python (<i>Python Programming</i>)	2	1	1
24	TM006	Mạng máy tính và truyền số liệu (<i>Computer Networks and Data Communication</i>)	2	1	1
25	TM007	Tiếp thị và Hành vi người tiêu dùng số (<i>Digital Marketing & Digital Consumer Behavior</i>)	3	2	1
26	TM008	Kinh doanh quốc tế (International Business)	2	1	1
27	TM009	Pháp luật trong Thương mại điện tử (<i>Commercial Law</i>)	2	2	0

28	TM010	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh (<i>Statistics for Economics and Business</i>)	2	1	1
29	TM011	Định hướng nghề nghiệp và Trải nghiệm Doanh nghiệp Thương mại điện tử	3	0	3
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (chọn 4/12 tín chỉ)			4	4	0
30	TM012	Quản trị nhân lực (<i>Human resources Management</i>)	2	2	0
31	TM013	Quản trị doanh nghiệp (<i>Enterprise Management</i>)	2	2	0
32	TM014	Kỹ năng lãnh đạo (<i>Leadership skills</i>)	2	2	0
33	TM015	Văn hóa doanh nghiệp & Đạo đức kinh doanh (<i>Business Culture and Business Virtue</i>)	2	2	0
34	TM016	Chuyển đổi số và Khởi nghiệp (<i>Digital Transformation & Entrepreneurship</i>)	2	2	0
3. Kiến thức ngành, chuyên ngành			58	30	28
3.1. Kiến thức ngành, chuyên ngành bắt buộc			49	27	22
35	TM017	An ninh và Thanh toán số trong Thương mại điện tử (<i>Digital Security and Payments in E- commerce</i>)	3	2	1
36	TM018	Phân tích Dữ liệu & Kinh doanh số (<i>Data Analytics & Digital Business</i>)	2	1	1
37	TM019	Chiến lược Số & Trải nghiệm Khách hàng (<i>Digital Strategy & Customer Experience</i>)	3	2	1
38	TM020	Chiến lược Thương mại điện tử B2B và phát triển thị trường doanh nghiệp (<i>B2B E- commerce Strategy and Enterprise Market Development</i>)	3	2	1
39	TM021	Vận hành sản Thương mại điện tử & Thương mại giải trí (<i>E-commerce Marketplace Operations & Shoppertainment</i>)	3	2	1
40	TM022	Xây dựng và Vận hành Website Thương mại điện tử (<i>Web Development & Operations</i>)	3	2	1
41	TM023	Hiệu suất tiếp thị số và quản lý kênh Thương mại điện tử (<i>Digital Performance Marketing and E-commerce Channel Management</i>)	3	2	1
42	TM024	Chiến lược Digital Marketing tổng thể (<i>Integrated Digital Marketing Strategy</i>)	3	2	1
43	TM025	Quản lý chuỗi cung ứng thông minh và hậu cần điện tử (<i>Smart Supply Chain & E- Logistics Management</i>)	3	2	1
44	TM026	Chiến lược phát triển Thương mại điện tử toàn cầu (<i>Global E-commerce Development Strategy</i>)	2	1	1
45	TM027	Vận hành thực tế Thương mại điện tử xuyên biên giới (<i>Practical Operations in Cross- border E-commerce</i>)	3	1	2

46	TM028	Thiết kế trải nghiệm khách hàng và quản lý sản phẩm Thương mại điện tử (<i>Customer experience design and e-commerce product management</i>).	3	1	2
47	TM029	Hệ thống thông tin & Dữ liệu kinh doanh (<i>MIS & Business Data</i>)	2	1	1
48	TM030	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và Blockchain trong đổi mới mô hình kinh doanh điện tử (<i>AI and Blockchain Applications for E-commerce Business Model Innovation</i>)	3	2	1
49	TM031	Phân tích và thiết kế hệ thống Thương mại điện tử (<i>E-Commerce Systems Analysis & Design</i>)	3	2	1
50	TM032	Kinh doanh trên sàn Thương mại điện tử và mạng xã hội (<i>Business on e-commerce and social networks</i>)	3	2	1
51	TM033	Quản trị dự án Thương mại điện tử (Dự án tích hợp) (<i>E-Commerce Project Management</i>)	4	0	4
3.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành tự chọn (9/24)			9	3	6
52	TM034	Tiếng Anh chuyên ngành (<i>English for E-Commerce</i>)	3	1	2
53	TM035	Tiếng Trung chuyên ngành (<i>Chinese for E-Commerce</i>)	3	1	2
54	TM036	Kinh doanh Dropshipping & POD toàn cầu trên nền tảng số (<i>Global Dropshipping and Print-on-Demand E-commerce Business</i>)	3	1	2
55	TM037	Quản trị Rủi ro Số và Chiến lược An ninh Doanh nghiệp Điện tử (<i>Digital Risk Management & E-business Security Strategy</i>)	3	1	2
56	TM038	Phát triển Ứng dụng Di động và Trải nghiệm Mua sắm Di động (<i>Mobile App Development and Mobile Shopping Experience</i>)	3	1	2
57	TM039	Kỹ năng tìm nguồn hàng & Đàm phán thương mại (Thị trường Trung Quốc) <i>Sourcing Skills & Commercial Negotiation (China Market)</i>	3	1	2
58	TM040	Tiếp thị trong hệ sinh thái WeChat và Douyin (<i>WeChat & Douyin Ecosystem Marketing</i>)	3	1	2
59	TM041	Chiến lược sáng tạo nội dung & SEO nâng cao (<i>Creative Content Strategy & Advanced SEO</i>)	3	1	2
4. Kiến thức tốt nghiệp			12	0	12
60	TM042	Thực tập tốt nghiệp (<i>Graduate Internship</i>)	4	0	4
61	TM043	Khóa luận tốt nghiệp (<i>Graduation Thesis</i>)	8	0	8

	Tổng cộng		130	75	55
--	------------------	--	------------	-----------	-----------

6.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

ST T	Mã HP	Tên học phần	CDR của chương trình đào tạo												
			Kiến thức (K)				Kỹ năng (S)					Thái độ/Tự chủ (A)			
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PL O1 2	
1	DC001	Triết học Mác-Lênin	D										I		
2	DC002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	D	I									I		
3	DC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D										I		
4	DC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D										I		
5	DC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D										I		
6	DC009	Kỹ năng mềm									D		I		I
7	DC010	Pháp luật đại cương	D										D	I	
8	DC011	Tin học đại cương								I					I
9	DC012	Năng lực số								I					D
10	DC013	Toán kinh tế		D										I	
11	DC006	Tiếng Anh 1									D				I
12	DC007	Tiếng Anh 2									D				I
13	DC008	Tiếng Anh 3									D				I
14	DC014	Tiếng Trung 1									D				I
15	DC015	Tiếng Trung 2									D				I
16	DC016	Tiếng Trung 3									D				I
17	DC017	Giáo dục thể chất													I
18	DC018	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	I										I		
19	TM001	Kinh tế vi mô		D		D								I	
20	TM002	Kinh tế vĩ mô		D		D								I	
21	TM003	Nguyên lý kế toán		D										I	
22	TM004	Tài chính tiền tệ		D										I	
23	TM005	Lập trình Python								D					I
24	TM006	Mạng máy tính và truyền số liệu								I					
25	TM007	Tiếp thị & Hành vi người tiêu dùng số				D	D		I					I	
26	TM008	Kinh doanh quốc tế				D	D				I			I	
27	TM009	Pháp luật trong Thương mại điện tử	D			I							D	I	
28	TM010	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh		D			D			I				I	
29	TM011	Định hướng nghề nghiệp & Trải nghiệm DN				I					D	I	I		I
30	TM012	Quản trị nhân lực		I							I			I	
31	TM013	Quản trị doanh nghiệp		D			I					I		I	

32	TM014	Kỹ năng lãnh đạo								D	I			I
33	TM015	Văn hóa DN & Đạo đức kinh doanh	I							I		D	I	
34	TM016	Chuyển đổi số & Khởi nghiệp			D	D					D		I	I
35	TM017	An ninh và Thanh toán số	I		D			D				I	D	
36	TM018	Phân tích Dữ liệu & Kinh doanh số			D	D		D	D				D	
37	TM019	Chiến lược Số & Trải nghiệm KH			D	D		D					D	
38	TM020	Chiến lược TMĐT B2B			D	D		D			D		D	
39	TM021	Vận hành sàn TMĐT & TMGT			D		D	D					D	
40	TM022	Xây dựng & Vận hành Website TMĐT			D		D		D				D	
41	TM023	Hiệu suất tiếp thị số và quản lý kênh TMĐT			D			D	D				D	
42	TM024	Chiến lược Digital Marketing tổng thể			D	D		D			D		D	
43	TM025	Quản lý chuỗi cung ứng thông minh			D	D					D		D	
44	TM026	Chiến lược phát triển TMĐT toàn cầu			D	D				D	D		D	
45	TM027	Vận hành thực tế TMĐT xuyên biên giới			D		D	D		D	D	D	D	
46	TM028	Thiết kế trải nghiệm KH & QLSP TMĐT			D			D			D		D	
47	TM029	Hệ thống thông tin & Dữ liệu kinh doanh				D		D					D	
48	TM030	Ứng dụng AI & Blockchain			D	D		D					D	I
49	TM031	Phân tích & thiết kế hệ thống TMĐT			D	D		D			D		D	
50	TM032	Kinh doanh trên sàn TMĐT & MXH			D		D	D					D	
51	TM033	Quản trị dự án TMĐT (Dự án tích hợp)			D	D		D	D	D	M	D	M	D
52	TM034	Tiếng Anh chuyên ngành								D				D
53	TM035	Tiếng Trung chuyên ngành								D				D
54	TM036	Kinh doanh Dropshipping & POD toàn cầu			D		D	D			D		D	
55	TM037	Quản trị Rủi ro Số & Chiến lược AN	I		D	D						D	D	
56	TM038	Phát triển Ứng dụng Di động			D			D					D	
57	TM039	Kỹ năng tìm nguồn hàng & Đàm phán								D	D		I	
58	TM040	Tiếp thị hệ sinh thái WeChat & Douyin			D			D		I			D	

59	TM041	Chiến lược sáng tạo nội dung & SEO				D		D	D				D	
60	TM042	Thực tập tốt nghiệp	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
61	TM043	Khóa luận tốt nghiệp	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M

6.4. Kế hoạch dạy học

Học kỳ	Số TC	ST T	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ			Học phần		
						Lý thuyết / thảo luận	Bài tập/ thực hành/ thực tập	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành
I	15	1	DC009	Kỹ năng mềm	2	15	30	60			
		2	DC011	Tin học đại cương	3	30	30	90			
		3	DC012	Năng lực số	2	15	30	60			
		4	DC013	Toán kinh tế	3	45	0	90			
		5	DC010	Pháp luật đại cương	2	30	0	60			
		6	DC006/ DC014	Ngoại ngữ 1 (Anh 1 / Trung 1)	3	30	15	75			
II	20	1	DC001	Triết học Mác-Lênin	3	45	0	90			
		2	DC007/ DC015	Ngoại ngữ 2 (Anh 2 / Trung 2)	3	30	15	75		DC006/ DC014	
		3	TM001	Kinh tế vi mô	2	30	0	60			
		4	TM003	Nguyên lý kế toán	2	30	0	60			
		5	TM005	Lập trình Python	2	15	30	60		DC011	
		6	TM032	Kinh doanh trên sàn TMĐT & MXH	3	30	30	90			
		7	TM007	Tiếp thị & Hành vi người tiêu dùng số	3	30	30	90			
		8		Tự chọn Cơ sở ngành 1	2	30	0	60			
III	20	1	DC002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	30	0	60		DC001	
		2	DC008/ DC016	Ngoại ngữ 3 (Anh 3 / Trung 3)	3	30	15	75		DC007/ DC015	
		3	TM002	Kinh tế vi mô	2	30	0	60		TM001	
		4	TM004	Tài chính tiền tệ	2	30	0	60		TM001, TM002	
		5	TM008	Kinh doanh quốc tế	2	15	15	45		TM001	
		6	TM010	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	2	15	15	45		DC013	
		7	TM009	Pháp luật trong Thương mại điện tử	2	30	0	60		DC010	
		8	TM011	Định hướng nghề nghiệp & Trải nghiệm DN	3	0	135	135		TM032	
		9	TM006	Mạng máy tính và truyền số liệu	2	15	30	60		DC011	
IV	20	1	DC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	60		DC002	
		2	TM019	Chiến lược Số & Trải nghiệm Khách hàng	3	30	30	90		TM007	
		3	TM020	Chiến lược TMĐT B2B và phát triển TTTCĐN	3	30	30	90		TM008	
		4	TM017	An ninh và Thanh toán số trong TMĐT	3	30	30	90		TM006	
		5	TM018	Phân tích Dữ liệu & Kinh doanh số	2	15	30	60		TM010	
		6	TM022	Xây dựng và Vận hành Website TMĐT	3	30	30	90		TM005	
		7	TM029	Hệ thống thông tin & Dữ liệu kinh doanh	2	15	30	60		TM006	

		8		Tự chọn Cơ sở ngành 2	2	30	0	60				
V	19	1	DC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	60			DC001, DC002	
		2	DC005	Lịch sử Đảng CSVN	2	30	0	60			DC004	
		3		Tự chọn Chuyên ngành 1	3	15	60	90				
		4		Tự chọn Chuyên ngành 2	3	15	60	90				
		5	TM023	Hiệu suất tiếp thị số và quản lý kênh TMĐT	3	30	30	90			TM007, TM018	
		6	TM025	Quản lý chuỗi cung ứng thông minh & hậu cần điện tử	3	30	30	90			TM008	
		7	TM021	Vận hành sản TMĐT & Thương mại giải trí	3	30	30	90			TM032	
VI	20	1	TM024	Chiến lược Digital Marketing tổng thể	3	30	30	90			TM023	
		2	TM026	Chiến lược phát triển TMĐT toàn cầu	2	15	30	60			TM020	
		3	TM027	Vận hành thực tế TMĐT xuyên biên giới	3	15	30	60			TM026	
		4	TM028	Thiết kế trải nghiệm KH & quản lý sản phẩm TMĐT	3	15	60	90			TM019	
		5	TM030	Ứng dụng AI & Blockchain trong đổi mới mô hình KĐT	3	30	30	90			TM017	
		6	TM031	Phân tích và thiết kế hệ thống TMĐT	3	30	30	90			TM022, TM029	
		7		Tự chọn Chuyên ngành 3	3	15	60	90				
VII	16	1	TM033	Quản trị dự án TMĐT (Dự án tích hợp)	4	0	180	180			TM027, TM028	
		2	TM042	Thực tập tốt nghiệp	4	0	180	180		Tích lũy ≥ 106TC		
		3	TM043	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	240	240		Tích lũy ≥ 106TC		
CỘNG	130			Tổng số	130	1140	1680	3960				

6.5. Chiến lược giảng dạy – học tập

Bảng 6. Mối quan hệ giữa CDR của CTĐT và phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của CTĐT											
	Kỹ năng (K)				Kỹ năng (S)					Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm (A)		
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
1. Thuyết trình gợi mở, kết hợp hỏi – đáp	X	X	X	X						X	X	X
2. Đàm thoại, nêu vấn đề	X	X									X	
3. Thảo luận nhóm, làm việc nhóm	X	X	X		X	X		X	X	X	X	X
4. Nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, đóng vai		X	X	X	X	X	X	X		X	X	
5. Thực hành, bài tập, lab/máy tính, mô phỏng		X	X	X	X		X		X			
6. Dạy học theo dự án /Project-based learning		X	X	X	X	X	X	X		X		X
7. Seminar, thuyết trình, phản biện của sinh viên			X			X		X	X	X	X	X

8. Hướng dẫn tự học, E-learning, blended learning	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
9. Thực tập, tham quan, trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp			x		x	x	x	x		x		x

6.6. Chiến lược và phương pháp đánh giá

6.6.1. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Chương trình đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình và đánh giá tổng kết/định kỳ.

*Đánh giá tiến trình

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

*Đánh giá tổng kết/định kỳ

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình và đánh giá tổng kết/định kỳ gồm: đánh giá ý thức học tập, đánh giá bài tập, đánh giá thuyết trình, Kiểm tra viết Kiểm tra trắc nghiệm, bảo vệ và thi vấn đáp, viết báo cáo, đánh giá làm việc nhóm và thực hành.

Chương trình đào tạo Cử nhân Thương mại điện tử sử dụng hệ thống đánh giá đa dạng, kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, nhằm đo lường đầy đủ các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng bao gồm:

- Thi viết (giữa kỳ, cuối kỳ), bài kiểm tra/quiz để đánh giá mức độ nắm vững và vận dụng kiến thức lý thuyết;
- Bài tập lớn, tiểu luận cá nhân nhằm đánh giá năng lực tự nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và trình bày bằng văn bản;

- Bài tập nhóm, thảo luận, seminar, thuyết trình – phản biện để đánh giá kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và tư duy phản biện;
- Dự án học phần, sản phẩm số, bài thực hành – lab để đánh giá kỹ năng nghề nghiệp và khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức vào các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực thương mại điện tử;
- Đánh giá thực tập tốt nghiệp và khóa luận/đề án tốt nghiệp để đánh giá toàn diện năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp trong môi trường làm việc thực tế và trong nghiên cứu/giải quyết vấn đề chuyên môn.

Việc đánh giá được thực hiện theo hướng liên tục, công khai, minh bạch, có sử dụng bảng tiêu chí (rubric) cho các bài tập, dự án, thuyết trình và khóa luận, nhằm đảm bảo sự công bằng và phản ánh đúng mức độ đạt được các chuẩn đầu ra của sinh viên. Kết quả đánh giá đồng thời là phản hồi giúp sinh viên điều chỉnh phương pháp học tập, nâng cao năng lực tự học, tự rèn luyện và phát triển nghề nghiệp lâu dài.

Bảng 7. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR của CTĐT

Phương pháp đánh giá	CDR của CTĐT (PLOs)											
	Kiến thức (K)				Kỹ năng (S)					Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm (A)		
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
1. Bài kiểm tra viết (trắc nghiệm/tự luận)	x	x	x	x								
2. Bài tiểu luận/báo cáo cá nhân	x	x	x	x		x			x	x	x	x
3. Bài tập tình huống (Case study)		x	x	x		x		x		x	x	
4. Bài thuyết trình (cá nhân/nhóm)			x	x		x		x	x	x	x	x
5. Bài tập thực hành/lab (trên máy)					x		x		x	x		
6. Đánh giá dự án (Project)		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7. Đánh giá đồng đẳng (Peer assessment)								x		x		x
8. Đánh giá quá trình (tham gia, thái độ)								x		x	x	
9. Vấn đáp/phỏng vấn	x	x	x	x				x		x	x	
10. Bài thi thực hành tổng hợp					x	x	x		x	x		
11. Portfolio/hồ sơ năng lực			x			x	x	x	x	x		x
12. Đánh giá từ doanh nghiệp (thực tập)			x		x	x	x	x		x		x

7. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

1. TRIẾT HỌC MÁC – LÊ NIN (Marx - Lenin Philosophy)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Triết học Mác - Lênin	Tên tiếng Anh: Marx - Lenin Philosophy
2. Mã học phần:	7GDC001
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức	Đại cương
5. Loại học phần	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	45 giờ
- Bài tập, thực hành, thực tập	0 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Văn Trường ThS. Nguyễn Thị Linh và GV nhóm soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	(Không)
- Học phần học trước:	(Không)
- Học phần song hành:	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lê nin, về vai trò của triết học Mác – Lê nin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các phạm trù, quy luật cơ bản của triết học Mác – Lênin và vai trò phương pháp luận của triết học đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn.
CLO2	K3	Vận dụng nguyên lý, quy luật triết học để lý giải hiện tượng tự nhiên, xã hội và thực tiễn nghề nghiệp chuyên ngành.
CLO3	S3	Sử dụng luận điểm khoa học để xây dựng quan điểm cá nhân phù hợp với nền tảng triết học Mác – Lênin.
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị.
CLO5	A3	Phê phán các quan điểm sai trái với triết học Mác - Lênin.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊ NIN (Political Economics of Marxism and Leninism)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Tên tiếng Anh: Political Economics of Marxism and Leninism
2. Mã học phần:	7GDC002

3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30 giờ
- Bài tập, thực hành, thực tập	0 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Văn Trường ThS. Nguyễn Thị Linh và GV nhóm soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết	Triết học Mác – Lê nin
- Học phần học trước	Triết học Mác – Lê nin
- Học phần song hành	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung môn học gồm 6 chương: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Kinh tế chính trị Mác - Lênin như đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; từ chương 2 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản về: Hàng hóa thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN, Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các phạm trù, quy luật, nguyên lý cơ bản và vai trò phương pháp luận của kinh tế chính trị Mác – Lênin đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn.
CLO2	K3	Vận dụng kiến thức, phương pháp luận kinh tế chính trị Mác - Lênin để lý giải hiện tượng tự nhiên, xã hội và thực tiễn nghề nghiệp chuyên ngành.
CLO3	S3	Sử dụng luận điểm khoa học để xây dựng quan điểm cá nhân phù hợp với nền tảng lý luận Kinh tế chính trị Mác - Lênin.
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị.
CLO5	A3	Phê phán các quan điểm sai trái với kinh tế chính trị Mác - Lênin.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (Scientific Socialism)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Chủ nghĩa xã hội khoa học	Tên tiếng Anh: Scientific Socialism
2. Mã học phần:	7GDC003
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30 giờ
- Bài tập, thực hành, thực tập	0 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Văn Trường ThS. Nguyễn Thị Linh và nhóm soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần	

-Học phần tiên quyết	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin
-Học phần học trước	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin
-Học phần song hành	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1, trình bày những quan điểm cơ bản về: quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo và Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐN L	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các nguyên lý, quan điểm, quy luật cơ bản và vai trò phương pháp luận của chủ nghĩa xã hội khoa học đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn.
CLO2	K3	Vận dụng nguyên lý, quy luật của chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích các vấn đề chính trị – xã hội, liên hệ ngành nghề đang học
CLO3	S3	Sử dụng luận điểm khoa học để xây dựng quan điểm cá nhân phù hợp với nền tảng chủ nghĩa xã hội khoa học.
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị.
CLO5	A3	Phê phán các quan điểm sai trái với chủ nghĩa xã hội khoa học.

4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (Ho Chi Minh Thought)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh Thought
2. Mã học phần:	7GDC004
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30 giờ
- Bài tập, thực hành, thực tập	0 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Thị Linh ThS. Nguyễn Văn Trường và nhóm GV soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần	
-Học phần tiên quyết	Chủ nghĩa xã hội khoa học
-Học phần học trước	Chủ nghĩa xã hội khoa học
-Học phần song hành	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh được kết cấu làm 6 chương. Chương 1 trình bày về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Chương 2 giới thiệu về cơ sở và quá trình hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chương 3 đến chương 6 bao gồm các quan điểm về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người của Hồ Chí Minh

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các quan điểm cơ bản và vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn.
CLO2	K3	Vận dụng các quan điểm và phương pháp luận tư tưởng Hồ Chí Minh để lý giải hiện tượng tự nhiên, xã hội và thực tiễn nghề nghiệp chuyên ngành.
CLO3	S3	Sử dụng luận điểm khoa học để xây dựng quan điểm cá nhân phù hợp với nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh.
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị.
CLO5	A3	Phê phán các quan điểm sai trái với tư tưởng Hồ Chí Minh.

5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (History of the Vietnamese Communist Party)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Tên tiếng Anh: History of the Vietnamese Communist Party
2. Mã học phần:	7GDC005
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30 giờ
- Bài tập, thực hành, thực tập	0 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Thị Linh ThS. Nguyễn Văn Trường và GV nhóm soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết	Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần học trước	Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần song hành	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm hệ thống các quan điểm về: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay) và Kết luận.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được nội dung, tính đúng đắn, sáng tạo các quan điểm cơ bản, đường lối cách mạng và ý nghĩa, bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.
CLO2	K3	Vận dụng phương pháp luận khoa học và các bài học kinh nghiệm của Đảng để phân tích các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, liên hệ ngành nghề đang học
CLO3	S3	Sử dụng thành thạo kiến thức và phương pháp luận lịch sử Đảng để xây dựng quan điểm khoa học của cá nhân

CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị.
CLO5	A3	Phê phán các quan điểm sai trái với Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

6. KỸ NĂNG MỀM (Soft Skills)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng mềm	Tên tiếng Anh: Soft Skills
2. Mã học phần:	7GDC032
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết, thảo luận	15 tiết
- Bài tập, thực hành, thực tập (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	- ThS. Phan Thị Thom - ThS. Vũ Thị Tố Uyên
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	- Kỹ năng mềm
- Học phần học trước:	Theo tiến trình đào tạo
- Học phần song hành:	Theo tiến trình đào tạo

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Là những kỹ năng cốt lõi, rất cần thiết cho cả quá trình học tập trên giảng đường cũng như hiệu quả làm việc sau này. Kỹ năng giao tiếp giúp sinh viên nắm được bản chất của quá trình giao tiếp; cải thiện các kỹ năng nói, viết, lắng nghe và ứng xử; tạo lập quan hệ và gây ấn tượng tốt với những người xung quanh. Kỹ năng thuyết trình nhằm cung cấp cho sinh viên các công cụ, phương tiện và kỹ thuật trình bày thuyết phục, cách làm thế nào để truyền tải thông điệp một cách dễ hiểu, thu hút và thuyết phục nhất tới người nghe.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	<i>Xác định</i> được các kiến thức cơ bản trong giao tiếp, thuyết trình phục vụ cho chuyên môn chính.
CLO2	S4	<i>Phát triển</i> các kỹ năng cần thiết trong giao tiếp, thuyết trình, làm việc độc lập, làm nhóm, chủ động hội nhập, trong quá trình học tập và trong tương tác với đối tác khi thực hiện chuyên môn
CLO3	A3	<i>Khởi sướng</i> các hoạt động chuyên môn ở tổ chức, thực hiện tốt kế hoạch học tập học phần đề ra.

7. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật đại cương	Tên tiếng Anh: Fundamentals of Law
2. Mã học phần:	7GDC006
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối kiến thức giáo dục đại cương

5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30
- Bài tập, thực hành, thực tập	0
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	TS. Đặng Thúy Quỳnh và nhóm GV soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Triết học Mác- Lênin
- Học phần song hành:	Theo tiến trình của CTĐT

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương, giảng dạy cho sinh viên các trường đại học không chuyên ngành luật. Học phần gồm các kiến thức khái quát chung về Nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật; luật hiến pháp; luật hành chính; luật dân sự; luật hình sự; giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá, định hướng hành vi của mình và người khác theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật, như: nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm, chức năng, kiểu Nhà nước, hình thức Nhà nước; cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đặc điểm của pháp luật; khái niệm quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
CLO2	K3	Vận dụng được các quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam trong các ngành luật: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình vào phân tích các vấn đề liên quan
CLO3	S3	Sử dụng thành thạo hệ thống văn bản quy phạm pháp luật vào từng tình huống cụ thể phát sinh trong thực tiễn
CLO4	A3	Chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm trong học tập, nghiên cứu và công tác liên quan đến học phần

8. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (Introduction to Informatics)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tin học đại cương	Tên tiếng Anh: <i>Introduction to Informatics</i>
2. Mã học phần:	7GDC044
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết, thảo luận	30 tiết
- Bài tập, thực hành, thực tập (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết

- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 tiết
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Theo tiến trình đào tạo

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và kỹ năng sử dụng máy tính phục vụ học tập và làm việc. Nội dung bao gồm: các khái niệm cơ bản về hệ thống máy tính, phần mềm, mạng máy tính và an toàn thông tin; kỹ năng sử dụng hệ điều hành Windows; kỹ năng sử dụng phần mềm văn phòng cơ bản (soạn thảo văn bản với MS Word, xử lý bảng tính với MS Excel, trình chiếu với MS PowerPoint); và nhận thức cơ bản về ứng dụng CNTT trong chuyên ngành, đạo đức và pháp luật trong sử dụng CNTT.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Trình bày được cấu trúc cơ bản của một hệ thống máy tính và nguyên lý hoạt động.
CLO2	K3	Mô tả được vai trò của công nghệ thông tin trong xã hội hiện đại và các vấn đề đạo đức, pháp luật liên quan.
CLO3	S3	Soạn thảo, định dạng và trình bày một văn bản chuyên nghiệp (báo cáo, đơn từ, bài luận) theo đúng quy chuẩn sử dụng Microsoft Word. Xây dựng và xử lý bảng tính điện tử cơ bản: nhập liệu, sử dụng công thức và hàm (SUM, AVERAGE, IF, VLOOKUP...), tạo biểu đồ bằng Microsoft Excel để phân tích số liệu đơn giản. Thiết kế và trình bày một bài thuyết trình khoa học, logic và thu hút bằng Microsoft PowerPoint.
CLO4	A3	Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT một cách có đạo đức và tuân thủ pháp luật (bản quyền, quyền riêng tư).

9. NĂNG LỰC SỐ (Digital capacity)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Năng lực số	Tên tiếng Anh: Digital capacity
2. Mã học phần:	7GDC044
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết, thảo luận	15 tiết
- Bài tập, thực hành, thực tập (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30 tiết
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 tiết
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không

- Học phần song hành:	Theo tiến trình đào tạo
-----------------------	-------------------------

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần **Năng lực số** cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về công nghệ số, năng lực thông tin, kỹ năng sử dụng công cụ số và phẩm chất công dân số trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia. Người học được trang bị khả năng tiếp cận, đánh giá, quản lý và sáng tạo nội dung số một cách an toàn, có đạo đức và hiệu quả; hiểu rõ công nghệ cốt lõi (AI, IoT, dữ liệu lớn, điện toán đám mây...) thúc đẩy chuyển đổi số.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Vận dụng triển khai được khái niệm, cấu trúc và vai trò của năng lực số trong học tập, nghề nghiệp và đời sống.
CLO2	K3	Biểu diễn được các yếu tố cấu thành năng lực số và mối liên hệ giữa chuyển đổi số và phát triển con người số.
CLO3	S3	Sử dụng thành thạo các công cụ và nền tảng số trong tìm kiếm, lưu trữ, đánh giá và sử dụng thông tin một cách hiệu quả.
CLO4	A3	Chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm học tập, nghiên cứu và làm việc cho tập thể, thể hiện ý thức, đạo đức và hành vi phù hợp của công dân số trong không gian mạng.
CLO5	A3	Đề xuất ý kiến trong học tập, cập nhật công nghệ và phát triển năng lực số suốt đời trong kỷ nguyên số.

10. TOÁN KINH TẾ (Introduction to Digital Transformation)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Toán cho các nhà kinh tế
	Tên tiếng Anh	Mathematics for Economists
2	Mã học phần	DC013
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Giáo dục đại cương
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	- Lý thuyết, thảo luận	30 tiết
	- Bài tập, thực hành, thực tập (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các giảng viên do Khoa/ Cơ bản phân công giảng dạy
8	Điều kiện tham gia học phần	
	- Học phần tiên quyết	Không
	- Học phần học trước	Không
	- Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần *Toán cho các nhà kinh tế* cung cấp cho sinh viên những kiến thức toán học cơ bản dùng trong kinh tế và kinh doanh như: tập hợp, hàm số một biến, dãy số, giới hạn, đạo hàm và ứng dụng đạo hàm, hệ phương trình tuyến tính, ma trận, tối ưu hóa đơn giản... Qua đó giúp sinh viên hình thành tư duy logic, tư duy định lượng và có khả năng vận dụng công cụ toán học để mô tả, phân tích và giải quyết các bài toán

kinh tế – quản trị ở mức cơ bản, làm nền tảng cho các học phần như Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Thống kê, Phân tích dữ liệu...

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Trình bày được các khái niệm và nội dung cơ bản của toán kinh tế như: tập hợp, hàm số, giới hạn, đạo hàm, hệ phương trình tuyến tính, ma trận và bài toán tối ưu đơn giản.
CLO2	K3	Vận dụng được các công thức và quy tắc toán học để giải một số bài toán kinh tế cơ bản như: tính doanh thu, chi phí, lợi nhuận, điểm hòa vốn, tối đa hoá/minh hoá hàm mục tiêu trong những điều kiện đơn giản.
CLO3	S2	Thực hiện được việc giải các bài tập toán kinh tế bằng phương pháp thủ công hoặc với sự hỗ trợ của máy tính/một số phần mềm bảng tính (như Excel), trình bày lời giải một cách rõ ràng, logic.
CLO4	A2	Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, cẩn thận, trung thực trong làm bài tập và thi cử; chủ động ôn tập và rèn luyện kỹ năng giải bài toán toán kinh tế.

11. NGÔN NGỮ ANH 1 (General English 1)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh 1	Tên tiếng Anh: General English 1
2. Mã học phần:	7GDC007
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc (định hướng)
6. Phân bổ thời gian:	-
- Lý thuyết, thảo luận	30
- Bài tập, thực hành, thực tập (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Lê Thị Mai ThS.Nhữ Kim Huế
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Ngôn ngữ Anh 1 sinh viên lĩnh hội được các kiến thức về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cơ bản tương đương trình độ A1 theo Khung tham chiếu châu Âu tức Bậc 1 theo Khung năng lực Việt Nam.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được những kiến thức cơ bản về hệ thống chữ cái, hệ thống nguyên âm, phụ âm, kí hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu trong câu trần thuật, và trong câu hỏi có - không.

CLO2	K3	Vận dụng triển khai những kiến thức cơ bản về hệ thống chữ cái, hệ thống nguyên âm, phụ âm, ngữ pháp ... vào các chủ đề gần gũi quen thuộc như: bản thân, gia đình, bạn bè, nghề nghiệp, nơi ở, đất nước, quốc tịch, các hoạt động thường ngày, hoạt động giải trí, v.v.
CLO3	S2	Thực hiện tốt ngữ pháp cơ bản như: cách sử dụng mạo từ (a/an), động từ tobe ở thì hiện tại đơn, đại từ chỉ định this, that, động từ khuyết thiếu can/ can't, động từ have/has, like +ving, thì hiện tại đơn và một số cấu trúc câu thông dụng, viết và trả lời lại được các tình huống cơ bản trong đời sống hằng ngày v.v.
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu

12. NGÔN NGỮ ANH 2 (General English 2)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh 2	Tên tiếng Anh: General English 2
2. Mã học phần:	7GDC008
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc (định hướng)
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết, thảo luận	30
- Bài tập, thực hành, thực tập (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Lê Thị Mai ThS.Nhữ Kim Huệ
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Ngôn ngữ Anh 1
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Tiếng Anh cơ sở 2 trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh cao hơn ở Bậc 1, làm nền tảng để tiếp tục nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh nhằm tiến tới đạt được trình độ tương đương A2 theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR), tức Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành ngày 24 tháng 1 năm 2014 (Khung năng lực) về cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được những câu và những cụm từ được sử dụng thường xuyên liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày, (ví dụ như những thông tin rất cơ bản về cá nhân và gia đình, nơi cư trú, học hành, công việc, v.v.)
CLO2	K3	Vận dụng những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp để thực hiện được những cuộc trò chuyện ngắn, đơn giản về những chủ điểm quen thuộc.
CLO3	S3	Thực hiện thành thạo giao tiếp đơn giản hàng ngày, trao đổi những thông tin trực tiếp về những vấn đề quen thuộc thông thường ở dạng nói và dạng viết, những từ ngữ đơn giản, dễ hiểu để mô tả về cuộc sống cá nhân, môi trường sống và làm việc thân thuộc cũng như có thể trao đổi về nhu cầu thiết yếu của cá nhân; có thể đưa ra các yêu cầu hay các chỉ dẫn ngắn gọn và bước đầu sử dụng phục vụ cho dịch tài liệu chuyên ngành công nghệ thông tin

CLO5	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu
------	----	---

13. NGÔN NGỮ ANH 3 (General English 3)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh 3	Tên tiếng Anh: General English 3
2. Mã học phần:	7GDC009
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc (định hướng)
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết, thảo luận	30
- Bài tập, thực hành, thực tập (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	TS. Lê Thị Mai ThS.Nhữ Kim Huế
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Ngôn ngữ Anh 1 Ngôn ngữ Anh 2
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Ngôn ngữ Anh 3 trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR), tức Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 24 tháng 1 năm 2014 (Khung năng lực) về cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐN L	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Vận dụng được những kiến thức cơ bản để nghe, nói, đọc, viết được những cuộc trò chuyện ngắn, đơn giản về những chủ điểm quen thuộc.
CLO2	S3	Thực hiện thành thạo giao tiếp đơn giản hàng ngày, trao đổi những thông tin trực tiếp về những vấn đề quen thuộc thông thường ở dạng nói và dạng viết để có thể mô tả về cuộc sống cá nhân, môi trường sống và làm việc thân thuộc, có thể đưa ra các yêu cầu hay các chỉ dẫn ngắn gọn và bước đầu phục vụ dịch tài liệu cho công tác chuyên môn về công nghệ thông tin
CLO3	A3	Chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm trong học tập và công tác sau này

14. NGÔN NGỮ TRUNG 1 (General Chinese 1)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Ngôn ngữ Trung 1
	Tên tiếng Anh	General Chinese 1
2	Mã học phần	7GDC014
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Giáo dục đại cương
5	Loại học phần	Bắt buộc (định hướng)
6	Phân bổ thời gian	
	- Lý thuyết, thảo luận	30 tiết

	- Bài tập, thực hành, thực tập (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các giảng viên do Khoa/Bộ môn tiếng Trung phân công giảng dạy
8	Điều kiện tham gia học phần	
	- Học phần tiên quyết	Không
	- Học phần học trước	Không
	- Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần *Ngôn ngữ Trung 1* giúp sinh viên làm quen với hệ thống **chữ Hán cơ bản, phiên âm Hán ngữ (Pinyin)**, các thanh điệu, một số bộ thủ thường gặp, và các mẫu câu giao tiếp đơn giản. Sinh viên lĩnh hội vốn **từ vựng và ngữ pháp sơ cấp**, có khả năng nghe, nói, đọc, viết những câu rất đơn giản gắn với các chủ đề quen thuộc như: chào hỏi, giới thiệu bản thân, gia đình, tuổi tác, nghề nghiệp, số đếm, thời gian, địa điểm... tương đương **trình độ HSK1** (xấp xỉ A1, bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam).

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các kiến thức cơ bản về hệ thống phiên âm Hán ngữ (Pinyin), thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, trật tự nét cơ bản của chữ Hán, một số bộ thủ và cấu trúc chữ Hán đơn giản.
CLO2	K3	Vận dụng được từ vựng và ngữ pháp sơ cấp (đại từ nhân xưng, trợ từ nghi vấn, câu khẳng định/phủ định đơn giản...) vào các chủ đề quen thuộc như: chào hỏi, giới thiệu bản thân, gia đình, tuổi tác, nghề nghiệp, số đếm, thời gian, địa điểm cơ bản.
CLO3	S2	Thực hiện được các cấu trúc câu đơn giản trong bốn kỹ năng ở mức độ sơ cấp: nghe và hiểu được các câu ngắn chệch, phát âm tương đối đúng thanh điệu, đọc được đoạn văn rất ngắn có phiên âm, viết được một số chữ Hán cơ bản và câu ngắn mô tả thông tin cá nhân.
CLO4	A2	Thể hiện thái độ nghiêm túc, chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm trong học tập và tự học tiếng Trung, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp và làm bài đầy đủ.

15. NGÔN NGỮ TRUNG 2 (General Chinese 2)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Ngôn ngữ Trung 2
	Tên tiếng Anh	General Chinese 2
2	Mã học phần	7GDC015
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Giáo dục đại cương
5	Loại học phần	Bắt buộc (định hướng)
6	Phân bổ thời gian	
	- Lý thuyết, thảo luận	30 tiết
	- Bài tập, thực hành, thực tập (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các giảng viên do Khoa/Bộ môn tiếng Trung phân công giảng dạy

8	Điều kiện tham gia học phần	
	- Học phần tiên quyết	Ngôn ngữ Trung 1 (Tiếng Trung 1)
	- Học phần học trước	Không
	- Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần *Ngôn ngữ Trung 2* tiếp tục củng cố kiến thức về **phiên âm, chữ Hán và ngữ pháp sơ – sơ trung cấp**, mở rộng vốn từ vựng và mẫu câu trong các chủ đề giao tiếp hằng ngày như: mua sắm, ăn uống, thời tiết, sở thích, hoạt động thường ngày, kế hoạch cá nhân... Sinh viên tăng cường khả năng **nghe – nói – đọc – viết** ở mức độ cơ bản, giao tiếp được trong các tình huống thông dụng, hướng tới **trình độ HSK2** (cuối A1/đầu A2, bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam).

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Trình bày được hệ thống phiên âm Hán ngữ, các quy tắc ngắt câu, trật tự từ cơ bản trong câu tiếng Trung, một số cấu trúc ngữ pháp mới (câu có tân ngữ kép đơn giản, trạng ngữ chỉ thời gian, địa điểm, cấu trúc “在...”, “有...”, “会...”...).
CLO2	K3	Vận dụng được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học để hiểu và tạo lập các đoạn hội thoại/đoạn văn đơn giản về các chủ đề: mua sắm, ăn uống, thời tiết, hoạt động giải trí, lịch trình cá nhân...; trả lời được các câu hỏi đơn giản liên quan.
CLO3	S2	Nghe – nói – đọc – viết được ở mức cơ bản: nghe hiểu được hội thoại ngắn, nói được câu có độ dài trung bình với tốc độ chậm vừa; đọc được đoạn văn ngắn không có phiên âm; viết được đoạn văn đơn giản (5–7 câu) mô tả hoạt động hằng ngày, sở thích, kế hoạch.
CLO4	A2	Có ý thức tự giác ôn tập, chuẩn bị bài trước khi đến lớp; tích cực luyện tập bốn kỹ năng; hợp tác tốt với bạn học trong các hoạt động cặp/nhóm, tôn trọng quy định lớp học.

16. NGÔN NGỮ TRUNG 3 (General Chinese 3)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Ngôn ngữ Trung 3
	Tên tiếng Anh	General Chinese 3
2	Mã học phần	7GDC016
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Giáo dục đại cương
5	Loại học phần	Bắt buộc (định hướng)
6	Phân bổ thời gian	
	- Lý thuyết, thảo luận	30 tiết
	- Bài tập, thực hành, thực tập (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các giảng viên do Khoa/Bộ môn tiếng Trung phân công giảng dạy
8	Điều kiện tham gia học phần	
	- Học phần tiên quyết	Ngôn ngữ Trung 2 (Tiếng Trung 2)

- Học phần học trước	Không
- Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần *Ngôn ngữ Trung 3* nhằm nâng cao hơn nữa vốn từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp, hướng tới trình độ **sơ trung cấp** tương đương **HSK2–HSK3 (A2, bậc 2–3)**. Nội dung xoay quanh các chủ đề: trường học, công việc đơn giản, giao thông, du lịch, sức khỏe, liên lạc qua điện thoại/internet, cảm xúc cơ bản... Sinh viên có khả năng hiểu và tham gia vào các hội thoại quen thuộc, mô tả được kinh nghiệm, kế hoạch, sự kiện đơn giản; đọc hiểu được các đoạn văn ngắn; viết được đoạn văn khoảng 8–10 câu.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Trình bày được các điểm ngữ pháp quan trọng ở trình độ sơ trung cấp: câu so sánh đơn giản, bổ ngữ trình độ, bổ ngữ xu hướng cơ bản, các trạng ngữ chỉ thời gian – nơi chốn, cấu trúc thường dùng trong kể lại sự kiện, bày tỏ ý kiến đơn giản.
CLO2	K3	Vận dụng được từ vựng và ngữ pháp ở trình độ sơ trung cấp để hiểu và xây dựng các đoạn hội thoại/đoạn văn đơn giản liên quan đến học tập, công việc, du lịch, sức khỏe, kế hoạch trong tương lai; đặt và trả lời được câu hỏi phù hợp ngữ cảnh.
CLO3	S2	Thực hiện được bốn kỹ năng ở mức sơ trung cấp: nghe hiểu được hội thoại thường nhật với tốc độ vừa phải; giao tiếp bằng lời nói trong các tình huống quen thuộc; đọc hiểu được đoạn văn ngắn có độ dài trung bình; viết được đoạn văn khoảng 8–10 câu miêu tả trải nghiệm, sự kiện, kế hoạch đơn giản.
CLO4	A2	Duy trì thái độ học tập tích cực, chủ động tự học và tự luyện tiếng Trung; thể hiện tinh thần hợp tác, hỗ trợ bạn học; tuân thủ chuẩn mực đạo đức, trung thực trong kiểm tra, đánh giá và trong quá trình học tập.

19. KINH TẾ VI MÔ (Microeconomics)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Kinh tế vi mô
	Tên tiếng Anh	Microeconomics
2	Mã học phần	QTKD1
3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức cơ sở ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	- Lý thuyết (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
	- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	- Học phần tiên quyết	Không
	- Học phần học trước	Không
	- Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần *Kinh tế vi mô* cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hành vi của các tác nhân kinh tế riêng lẻ (người tiêu dùng, doanh nghiệp), cơ chế hình thành giá cả và sản lượng trên các loại thị trường (cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh độc quyền, độc quyền nhóm). Nội dung bao gồm: cung – cầu và cân bằng thị trường; độ co giãn; lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết sản xuất và chi phí; quyết định sản xuất trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần là nền tảng để sinh viên tiếp cận các môn chuyên ngành về kinh doanh, marketing, quản trị và thương mại điện tử.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Trình bày được các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô như: cung – cầu, cân bằng thị trường, độ co giãn, hàm lợi ích, hàm sản xuất, chi phí, các dạng thị trường.
CLO2	K3	Vận dụng được các mô hình và công cụ của kinh tế vi mô để phân tích những thay đổi về cân bằng cung – cầu, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp trong một số tình huống đơn giản.
CLO3	S2	Thực hiện được các bài tập tính toán và phân tích đồ thị kinh tế vi mô (cung – cầu, tối đa hóa lợi ích, tối đa hóa lợi nhuận, quyết định sản lượng tối ưu) theo hướng dẫn.
CLO4	A2	Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, trung thực trong kiểm tra – thi cử; chủ động đọc tài liệu và luyện tập bài tập để củng cố kiến thức.

20. KINH TẾ VĨ MÔ (Macroeconomics)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Kinh tế vĩ mô
	Tên tiếng Anh	Macroeconomics
2	Mã học phần	QTKD2
3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức cơ sở ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	- Lý thuyết (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30 tiết
	- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
	- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	- Học phần tiên quyết	Không
	- Học phần học trước	Không
	- Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần *Kinh tế vĩ mô* cung cấp kiến thức về các biến số kinh tế vĩ mô (GDP, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá...), các mô hình tổng cung – tổng cầu, mô hình IS–LM, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và các vấn đề kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

Mục tiêu giúp sinh viên hiểu cách vận hành của nền kinh tế ở tầm quốc gia, nền tảng để phân tích bối cảnh kinh doanh, môi trường vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động thương mại điện tử và doanh nghiệp.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Trình bày được các khái niệm, chỉ tiêu và nội dung cơ bản của kinh tế vĩ mô như: GDP, lạm phát, thất nghiệp, cán cân thanh toán, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ.
CLO2	K3	Vận dụng được các mô hình vĩ mô (AD-AS, IS-LM...) để phân tích một số tác động cơ bản của chính sách kinh tế vĩ mô lên sản lượng, lạm phát, lãi suất, việc làm.
CLO3	S2	Thực hiện được các bài tập tính toán chỉ tiêu vĩ mô và phân tích đồ thị mô tả tác động của chính sách kinh tế trong những tình huống đơn giản.
CLO4	A2	Có thái độ quan tâm tới các vấn đề kinh tế vĩ mô của đất nước; chủ động theo dõi thông tin kinh tế và liên hệ với kiến thức đã học.

21. NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN (Principles of Accounting)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Nguyên lý kế toán
	Tên tiếng Anh	Principles of Accounting
2	Mã học phần	QTKD3
3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức cơ sở ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	- Lý thuyết (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
	- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	- Học phần tiên quyết	Không
	- Học phần học trước	Không
	- Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần *Nguyên lý kế toán* giới thiệu những khái niệm, nguyên tắc, phương pháp cơ bản của kế toán tài chính trong doanh nghiệp: đối tượng, nhiệm vụ kế toán; hệ thống tài khoản và ghi sổ kép; chứng từ và sổ sách kế toán; kế toán các nghiệp vụ chủ yếu (tiền, hàng tồn kho, tài sản cố định, doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh); báo cáo tài chính cơ bản. Học phần tạo nền tảng để sinh viên hiểu và làm việc với số liệu tài chính – kế toán trong kinh doanh và thương mại điện tử.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Trình bày được các khái niệm, nguyên tắc và nội dung cơ bản của kế toán tài chính trong doanh nghiệp (đối tượng kế toán, tài khoản, ghi kép, chứng từ, sổ sách, báo cáo tài chính).
CLO2	K3	Vận dụng được các nguyên tắc và phương pháp kế toán để định khoản và ghi chép một số nghiệp vụ kinh tế đơn giản phát sinh trong doanh nghiệp.
CLO3	S2	Thực hiện được việc lập một số sổ sách kế toán đơn giản và lập/trình bày các báo cáo tài chính cơ bản ở mức độ giới thiệu (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh).
CLO4	A2	Thể hiện tính cẩn trọng, chính xác, trung thực trong xử lý số liệu; tuân thủ các quy định và chuẩn mực kế toán được giới thiệu trong học phần.

22. TÀI CHÍNH TIỀN TỆ (Monetary Finance)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Tài chính tiền tệ
	Tên tiếng Anh	Monetary Finance
2	Mã học phần	QTKD3
3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức cơ sở ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	- Lý thuyết (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
	- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	- Học phần tiên quyết	Không
	- Học phần học trước	Không
	- Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tài chính tiền tệ cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng về tiền tệ, tài chính và ngân hàng trong nền kinh tế thị trường. Nội dung chính bao gồm: bản chất, chức năng và các hình thái tiền tệ; hệ thống tài chính và các định chế tài chính trung gian; thị trường tài chính và các công cụ tài chính cơ bản; ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ; lạm phát và các vấn đề ổn định tiền tệ; tài chính quốc tế và tỷ giá hối đoái. Học phần giúp sinh viên hiểu được cơ chế vận hành của hệ thống tài chính - tiền tệ, làm nền tảng cho việc học tập các môn chuyên ngành Thương mại điện tử và phân tích môi trường kinh doanh số.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	<p>Hiểu rõ bản chất, chức năng của tiền tệ, tín dụng, ngân hàng và hệ thống tài chính.</p> <p>Nắm vững cơ chế hoạt động của thị trường tài chính, các công cụ tài chính cơ bản và các định chế trung gian.</p> <p>Hiểu được nội dung và cơ chế tác động của chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa đến nền kinh tế nói chung và lĩnh vực TMĐT nói riêng.</p>
CLO2	K3	<p>Phân tích được tác động của lãi suất, tỷ giá hối đoái, lạm phát đến hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế trong TMĐT.</p> <p>Nhận diện các kênh huy động vốn, thanh toán và quản lý rủi ro tài chính phù hợp cho doanh nghiệp TMĐT.</p>
CLO3	S2	<p>Phân tích, đánh giá được các biến số tài chính - tiền tệ tác động đến mô hình kinh doanh TMĐT.</p> <p>Ứng dụng kiến thức để lựa chọn phương thức thanh toán, huy động vốn, quản lý dòng tiền hiệu quả cho doanh nghiệp số.</p> <p>Có khả năng theo dõi, cập nhật và diễn giải các thông tin về chính sách tiền tệ, biến động thị trường tài chính.</p>
CLO4	A2	<p>Nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của quản trị tài chính trong kinh doanh TMĐT.</p> <p>Có tư duy phân biện trước các hiện tượng và chính sách kinh tế - tài chính.</p>
CLO5	A3	<p>Hình thành thái độ cẩn trọng, tuân thủ pháp luật và đạo đức khi tìm hiểu, đánh giá các vấn đề về thanh toán số, tài chính cá nhân và huy động vốn trong bối cảnh kinh doanh điện tử.</p>

23. LẬP TRÌNH PYTHON (*Python Programming*)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Lập trình Python
	Tên tiếng Anh	<i>Python Programming</i>
2	Mã học phần	TM005
3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức cơ sở ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	- Lý thuyết	15 tiết
	- Thực hành, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	- Học phần tiên quyết	Không
	- Học phần học trước	Không

- Học phần song hành

Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Lập trình Python Trang bị nền tảng Python từ cơ bản đến nâng cao, tập trung vào các thư viện và kỹ thuật ứng dụng trong lĩnh vực Thương mại điện tử (TMĐT). Xây dựng được các công cụ, script tự động hóa, phân tích dữ liệu, phát triển module web và ứng dụng thực tế phục vụ hoạt động TMĐT. Hình thành tư duy giải quyết bài toán kinh doanh số bằng công cụ lập trình, tối ưu hóa quy trình và phân tích dữ liệu ra quyết định.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Trình bày được các khái niệm cơ bản của ngôn ngữ Python, bao gồm: kiểu dữ liệu, biến, toán tử, cấu trúc điều khiển (rẽ nhánh, vòng lặp) và cơ chế xử lý ngoại lệ.
CLO2	S1	Thiết kế, viết và gỡ lỗi các chương trình Python sử dụng các cấu trúc dữ liệu cơ bản (list, tuple, dictionary, set) và nâng cao để giải quyết các bài toán tính toán, xử lý chuỗi và dữ liệu đơn giản.
CLO3	S2	Phân tích yêu cầu bài toán, lựa chọn phương pháp và cấu trúc dữ liệu phù hợp để xây dựng ứng dụng Python hoàn chỉnh.
CLO4	A2	Phát triển khả năng tự học, tìm kiếm tài liệu và sử dụng tài nguyên trực tuyến (như Stack Overflow, tài liệu chính thức) để mở rộng kiến thức và giải quyết vấn đề trong lập trình.

24. MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN SỐ LIỆU (*Computer Networks and Data*

Communication)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Mạng máy tính và truyền số liệu
	Tên tiếng Anh	Computer Networks and Data Communication
2	Mã học phần	TM006
3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức cơ sở ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	15 tiết
	– Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Mạng máy tính và truyền số liệu cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về nguyên lý, kiến trúc, giao thức và công nghệ của mạng máy tính và hệ thống truyền số liệu. Sinh viên sẽ tìm hiểu mô hình phân tầng OSI và TCP/IP, các kỹ thuật truyền dữ liệu, phương tiện vật lý, thiết bị mạng, địa chỉ hóa mạng (IPv4/IPv6), định tuyến, các giao thức cốt lõi (TCP, UDP, HTTP, DNS, DHCP), cùng với những khái niệm về mạng

LAN, WAN, bảo mật cơ bản và xu hướng mạng hiện đại (IoT, đám mây). Học phần kết hợp giữa lý thuyết và thực hành trên phần mềm mô phỏng hoặc thiết bị thật.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐN L	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Giải thích được kiến trúc phân tầng của mạng máy tính, so sánh được mô hình tham chiếu OSI và mô hình TCP/IP.
CLO2	K3	Trình bày được nguyên lý hoạt động, chức năng và các giao thức chính của các tầng trong mạng máy tính, từ tầng Vật lý, Liên kết dữ liệu, Mạng, Giao vận đến tầng Ứng dụng.
CLO3	S2	Thực hiện được việc cấu hình cơ bản cho các thiết bị mạng (Switch, Router) trong phòng lab mô phỏng (như Packet Tracer, GNS3) hoặc trên thiết bị thật.
CLO4	A3	Cập nhật kiến thức về các xu hướng công nghệ mạng mới (IPv6, IoT, SDN, ảo hóa mạng) và nhận thức được tầm quan trọng của bảo mật trong thiết kế và vận hành mạng.

25. TIẾP THỊ VÀ HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG SỐ (*Digital Marketing & Digital Consumer Behavior*)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Tiếp thị và Hành vi người tiêu dùng số
	Tên tiếng Anh	<i>Digital Marketing & Digital Consumer Behavior</i>
2	Mã học phần	TM007
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức cơ sở ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	– Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Tiếp thị và Hành vi người tiêu dùng số cung cấp kiến thức nền tảng về marketing hiện đại và hành vi người tiêu dùng với tư cách là cơ sở then chốt cho mọi quyết định marketing. Học phần tập trung vào việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định mua của người tiêu dùng cá nhân và tổ chức, từ nhận thức, động cơ, học hỏi, đến ảnh hưởng của văn hóa, xã hội, cá nhân và tâm lý. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ học cách ứng dụng những hiểu biết về hành vi người tiêu

dùng vào việc xây dựng và thực thi các chiến lược marketing mix (sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến) một cách hiệu quả.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐN L	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Giải thích được mô hình hành vi người tiêu dùng, các giai đoạn trong quá trình ra quyết định mua và các yếu tố ảnh hưởng chủ yếu (văn hóa, xã hội, cá nhân, tâm lý).
CLO2	K3	Phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa hành vi người tiêu dùng cá nhân (B2C) và hành vi người tiêu dùng tổ chức (B2B).
CLO3	S2	Vận dụng những hiểu biết về hành vi người tiêu dùng để đề xuất được các ý tưởng, giải pháp marketing (về sản phẩm, định giá, truyền thông, phân phối) phù hợp và có tính thuyết phục.
CLO4	A2	Có thái độ nghiêm túc, trách nhiệm và đạo đức trong nghiên cứu, phân tích và ứng dụng hiểu biết về người tiêu dùng, tôn trọng sự đa dạng và khác biệt của người tiêu dùng.

26. KINH DOANH QUỐC TẾ (International Business)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Kinh doanh quốc tế
	Tên tiếng Anh	International Business
2	Mã học phần	TM008
3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức cơ sở ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	15 tiết
	– Thực hành, thảo luận	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần *Kinh doanh quốc tế* cung cấp kiến thức nền tảng về hoạt động kinh doanh trong môi trường quốc tế: toàn cầu hóa, môi trường kinh doanh quốc tế, các hình thức kinh doanh quốc tế (xuất nhập khẩu, đầu tư, nhượng quyền, hợp đồng, liên doanh...), chiến lược thâm nhập thị trường nước ngoài, tổ chức và quản trị hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần là cầu nối quan trọng cho các học phần về thương mại điện tử xuyên biên giới, logistics và xuất nhập khẩu.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Trình bày được các khái niệm, đặc điểm và vai trò của kinh doanh quốc tế; các hình thức chủ yếu của kinh doanh quốc tế.

CLO2	K3	Phân tích được một số yếu tố của môi trường kinh doanh quốc tế (kinh tế, chính trị – pháp luật, văn hóa...) và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
CLO3	S2	Thực hiện được một bài tập nhóm phân tích thị trường nước ngoài cho một sản phẩm/dịch vụ cụ thể và đề xuất hình thức thâm nhập phù hợp ở mức cơ bản.
CLO4	A2	Thể hiện thái độ tôn trọng sự đa dạng văn hóa và tuân thủ luật pháp quốc tế trong các tình huống mô phỏng; chủ động tìm hiểu thông tin về thị trường quốc tế.

27. PHÁP LUẬT TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (Commercial Law in E-

Commerce)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Pháp luật trong Thương mại điện tử
	Tên tiếng Anh	Commercial Law in E-Commerce
2	Mã học phần	TM009
3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức cơ sở ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	– Thực hành, thảo luận	0 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần *Pháp luật trong Thương mại điện tử* cung cấp kiến thức về khung pháp lý điều chỉnh hoạt động thương mại điện tử: giao kết hợp đồng điện tử, chữ ký số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ người tiêu dùng, giải quyết tranh chấp trực tuyến, quy định về thuế, thanh toán, quảng cáo và khuyến mại trực tuyến. Học phần giúp sinh viên nắm được những quy định pháp luật cơ bản liên quan đến hoạt động kinh doanh trên môi trường số.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐN L	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Trình bày được các khái niệm và quy định pháp luật cơ bản liên quan đến hoạt động thương mại điện tử ở Việt Nam (hợp đồng điện tử, chữ ký số, bảo vệ thông tin cá nhân, quyền sở hữu trí tuệ...).
CLO2	K3	Vận dụng được các quy định pháp luật để phân tích và đánh giá một số tình huống điển hình liên quan đến giao dịch, quảng cáo, khuyến mại, bảo vệ người tiêu dùng trong TMĐT.

CLO3	S2	Thực hiện được việc nhận diện rủi ro pháp lý và đề xuất một số biện pháp phòng ngừa cơ bản trong hoạt động kinh doanh TMĐT của doanh nghiệp.
CLO4	A2	Thể hiện ý thức tôn trọng pháp luật, tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu, quyền lợi người tiêu dùng và đạo đức kinh doanh trong môi trường số.

28. THỐNG KÊ TRONG KINH TẾ VÀ KINH DOANH (Statistics for Economics

and Business)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh
	Tên tiếng Anh	Statistics for Economics and Business
2	Mã học phần	TM010
3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức cơ sở ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	15 tiết
	– Thực hành, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần *Thống kê trong kinh tế và kinh doanh* cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thống kê ứng dụng: thu thập dữ liệu, mô tả dữ liệu (bảng, biểu đồ, số đo vị trí và phân tán), khái niệm biến ngẫu nhiên, phân phối xác suất cơ bản, ước lượng và kiểm định giả thuyết đơn giản. Học phần giúp sinh viên có khả năng xử lý số liệu kinh tế – kinh doanh và là nền tảng cho phân tích dữ liệu trong Thương mại điện tử.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Trình bày được các khái niệm và nội dung cơ bản của thống kê kinh tế – kinh doanh: tổng thể, mẫu, biến, chỉ tiêu thống kê, phân phối tần suất, các số đo trung tâm và phân tán.
CLO2	K3	Vận dụng được các phương pháp thống kê mô tả để tóm tắt và trình bày dữ liệu kinh tế – kinh doanh bằng bảng, biểu đồ và các chỉ tiêu thống kê cơ bản.
CLO3	S2	Thực hiện được một số thao tác xử lý và phân tích dữ liệu cơ bản bằng phần mềm bảng tính (như Excel) hoặc công cụ thống kê đơn giản theo hướng dẫn.

CLO4	A2	Thể hiện tính cẩn trọng, trung thực trong thu thập, ghi chép và xử lý số liệu; chủ động rèn luyện kỹ năng sử dụng công cụ thống kê.
------	----	---

29. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP VÀ TRẢI NGHIỆM DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (Career Guidance and E-commerce Business Experience)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Định hướng nghề nghiệp và Trải nghiệm Doanh nghiệp Thương mại điện tử
	Tên tiếng Anh	<i>Career Guidance and E-commerce Business Experience</i>
2	Mã học phần	TM011
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức cơ sở ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	tiết
	– Thực hành, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	90 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Định hướng nghề nghiệp và Trải nghiệm Doanh nghiệp Thương mại điện tử cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan, thực tế và có hệ thống về thế giới nghề nghiệp trong lĩnh vực Thương mại điện tử (TMĐT). Thông qua các bài giảng lý thuyết định hướng, các buổi chia sẻ từ chuyên gia, doanh nhân, cựu sinh viên thành đạt và đặc biệt là hoạt động trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để tự đánh giá, lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân và sẵn sàng thích ứng với môi trường làm việc thực tế.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Hiểu và phân tích được bức tranh tổng thể về ngành Thương mại điện tử tại Việt Nam và xu hướng phát triển toàn cầu, Mô tả và phân biệt được hệ sinh thái các vị trí công việc, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu kỹ năng trong các mô hình doanh nghiệp TMĐT (B2B, B2C, C2C, Platform...).

CLO2	K3	Hiểu rõ quy trình và văn hóa làm việc thực tế tại các doanh nghiệp thương mại điện tử thông qua trải nghiệm.
CLO3	S2	Tự đánh giá được năng lực, sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để xác định hướng phát triển nghề nghiệp phù hợp trong ngành TMĐT. Thực hành và vận dụng được một số kỹ năng nghiệp vụ cơ bản của ngành (như phân tích thị trường trực tuyến, hỗ trợ vận hành gian hàng, hỗ trợ content, hỗ trợ dịch vụ khách hàng...) thông qua hoạt động trải nghiệm.
CLO4	A2	Hình thành thái độ chủ động, tích cực, trách nhiệm và đam mê với nghề nghiệp trong lĩnh vực TMĐT. Nhận thức rõ về đạo đức nghề nghiệp, văn hóa doanh nghiệp và tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

30. QUẢN TRỊ NHÂN LỰC (Human Resources Management)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Quản trị nhân lực
	Tên tiếng Anh	Human Resources Management
2	Mã học phần	TM012
3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức cơ sở ngành
5	Loại học phần	Tự chọn
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	– Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần *Quản trị nhân lực* cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp: hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá thành tích, đãi ngộ, quan hệ lao động. Học phần giúp sinh viên hiểu vai trò của con người trong tổ chức và biết cách vận dụng một số công cụ quản trị nhân lực ở mức cơ bản.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐN L	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Trình bày được các khái niệm, chức năng và nội dung cơ bản của quản trị nhân lực trong doanh nghiệp.
CLO2	K3	Vận dụng được một số công cụ quản trị nhân lực (mô tả công việc, tiêu chuẩn tuyển dụng, tiêu chí đánh giá thành tích...) trong các bài tập tình huống đơn giản.

CLO3	S2	Thực hiện được việc phân tích một tình huống nhân sự và đề xuất một số biện pháp quản trị phù hợp ở mức độ cơ bản (tuyển dụng, đào tạo, động viên...).
CLO4	A2	Thể hiện thái độ tôn trọng con người, công bằng và trách nhiệm trong các bài tập mô phỏng; có ý thức xây dựng môi trường làm việc tích cực, hợp tác.

31. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Enterprise Management)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Quản trị doanh nghiệp
	Tên tiếng Anh	Enterprise Management
2	Mã học phần	TM013
3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức Cơ sở ngành
5	Loại học phần	Tự chọn
6	Phân bổ thời gian	
	- Lý thuyết (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
	- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các giảng viên do Khoa/Bộ môn phụ trách học phần phân công giảng dạy
8	Điều kiện tham gia học phần	
	- Học phần tiên quyết	Không
	- Học phần học trước	Không
	- Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần *Quản trị doanh nghiệp* trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp: khái niệm, chức năng, vai trò của quản trị; các chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát; cơ cấu tổ chức; quản trị nguồn nhân lực, quản trị chiến lược, quản trị tác nghiệp cơ bản... Học phần tạo nền tảng để sinh viên hiểu và vận dụng các nguyên lý quản trị trong tổ chức nói chung và doanh nghiệp thương mại điện tử nói riêng.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Trình bày được những khái niệm cơ bản về doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp, các chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát và vai trò của nhà quản trị trong tổ chức.
CLO2	K3	Vận dụng được một số nguyên lý và công cụ quản trị (hoạch định mục tiêu, xây dựng cơ cấu tổ chức đơn giản, phân quyền, kiểm soát cơ bản...) để phân tích và đề xuất giải pháp cho một số tình huống quản trị doanh nghiệp đơn giản.
CLO3	S2	Thực hiện được việc phân tích một trường hợp điển hình (case study ngắn) về quản trị doanh nghiệp và trình bày kết quả phân tích, đề xuất giải pháp ở mức độ cơ bản bằng hình thức báo cáo/bài thuyết trình nhóm.
CLO4	A2	Thể hiện thái độ nghiêm túc, có trách nhiệm khi làm việc nhóm, tôn trọng ý kiến các thành viên khác, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong học tập và trong quá trình mô phỏng các tình huống quản trị.

32. KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO (Leadership Skills)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Kỹ năng lãnh đạo
	Tên tiếng Anh	Leadership Skills
2	Mã học phần	TM014
3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức Cơ sở ngành
5	Loại học phần	Tự chọn
6	Phân bổ thời gian	
	- Lý thuyết (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30 tiết
	- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
	- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các giảng viên do Khoa/Bộ môn phụ trách học phần phân công giảng dạy
8	Điều kiện tham gia học phần	
	- Học phần tiên quyết	Không
	- Học phần học trước	Không
	- Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần *Kỹ năng lãnh đạo* giúp sinh viên hiểu được các khái niệm, vai trò, phong cách và nguyên tắc cơ bản của lãnh đạo trong tổ chức. Học phần tập trung vào các kỹ năng cốt lõi như: giao tiếp lãnh đạo, lắng nghe, thuyết trình, thuyết phục, tạo động lực, ủy quyền, phản hồi, xây dựng hình ảnh cá nhân... Qua đó, sinh viên bước đầu hình thành năng lực lãnh đạo bản thân và lãnh đạo nhóm nhỏ trong học tập và công việc.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Trình bày được các khái niệm cơ bản về lãnh đạo, vai trò của người lãnh đạo, các phong cách lãnh đạo chủ yếu và những nguyên tắc chung trong lãnh đạo nhóm/tổ chức.
CLO2	S2	Vận dụng được một số kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, thuyết phục và tạo động lực trong các tình huống mô phỏng liên quan đến lãnh đạo nhóm nhỏ trong học tập và công việc.
CLO3	S2	Tổ chức và điều hành được một nhóm nhỏ trong hoạt động học tập/dự án (phân công nhiệm vụ, theo dõi tiến độ, hỗ trợ thành viên, giải quyết xung đột đơn giản) theo yêu cầu của giảng viên.
CLO4	A2	Thể hiện tinh thần trách nhiệm, gương mẫu, tôn trọng và hợp tác khi làm việc nhóm; chủ động tiếp thu phản hồi, sẵn sàng điều chỉnh hành vi để hoàn thiện phong cách lãnh đạo bản thân.

33. VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP VÀ ĐẠO ĐỨC KINH DOANH (Business Culture and Business Virtue)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Văn hóa doanh nghiệp và Đạo đức kinh doanh
	Tên tiếng Anh	Business Culture and Business Virtue
2	Mã học phần	TM015

3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức Cơ sở ngành
5	Loại học phần	Tự chọn
6	Phân bổ thời gian	
	- Lý thuyết (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30 tiết
	- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
	- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các giảng viên do Khoa/Bộ môn phụ trách học phần phân công giảng dạy
8	Điều kiện tham gia học phần	
	- Học phần tiên quyết	Không
	- Học phần học trước	Không
	- Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần *Văn hóa doanh nghiệp & Đạo đức kinh doanh* cung cấp cho sinh viên kiến thức về khái niệm, cấu trúc, vai trò của văn hóa doanh nghiệp; các giá trị, chuẩn mực, biểu trưng văn hóa trong tổ chức; các vấn đề đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, phát triển bền vững. Thông qua các tình huống thực tiễn, học phần giúp sinh viên nhận diện, phân tích các vấn đề văn hóa – đạo đức trong kinh doanh và hình thành thái độ, hành vi nghề nghiệp đúng đắn.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Trình bày được các khái niệm cơ bản về văn hóa doanh nghiệp, cấu trúc và vai trò của văn hóa doanh nghiệp; các khái niệm về đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững.
CLO2	K3	Vận dụng được các lý thuyết, mô hình về văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh để phân tích một số tình huống thực tiễn (case study) liên quan đến hành vi và quyết định trong doanh nghiệp.
CLO3	S2	Đề xuất được một số nguyên tắc, quy tắc ứng xử hoặc biện pháp xây dựng/vận dụng văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh phù hợp trong những tình huống học tập hoặc mô phỏng.
CLO4	A2	Thể hiện thái độ tôn trọng các giá trị đạo đức, trung thực, công bằng trong học tập và công việc; ý thức trách nhiệm với tập thể, cộng đồng và môi trường trong bối cảnh kinh doanh.

34. CHUYÊN ĐỔI SỐ VÀ KHỞI NGHIỆP (Digital Transformation & Entrepreneurship)

1. Tên học phần (tiếng Việt)	Chuyển đổi số và Khởi nghiệp
Tên tiếng Anh	Digital Transformation & Entrepreneurship
2. Mã học phần	TM016
3. Số tín chỉ	2
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức Cơ sở ngành
5. Loại học phần	Tự chọn
6. Phân bổ thời gian	

– Lý thuyết	30 tiết
– Thực hành, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	tiết
– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8. Điều kiện tham gia học phần	
– Học phần tiên quyết	Không
– Học phần học trước	Không
– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần *Chuyển đổi số và Khởi nghiệp* trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chuyển đổi số trong doanh nghiệp, các công nghệ số chủ đạo (cloud, dữ liệu lớn, AI ở mức khái quát...), mô hình kinh doanh số, cùng các khái niệm và bước cơ bản của khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Học phần khuyến khích sinh viên phát triển tư duy khởi nghiệp, nhận diện cơ hội kinh doanh trong môi trường số và xây dựng ý tưởng/dự án khởi nghiệp ở mức độ sơ bộ.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Trình bày được các khái niệm cơ bản về chuyển đổi số, mô hình kinh doanh số và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong bối cảnh kinh tế số.
CLO2	K3	Phân tích được tác động của chuyển đổi số đến hoạt động kinh doanh và nhận diện một số cơ hội/challenges đối với doanh nghiệp và cá nhân khởi nghiệp.
CLO3	S2	Xây dựng được ý tưởng khởi nghiệp đơn giản hoặc đề xuất sáng kiến chuyển đổi số ở mức sơ bộ thông qua bài tập nhóm/dự án nhỏ.
CLO4	A2	Thể hiện tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm; có thái độ nghiêm túc và trách nhiệm khi làm việc nhóm và khi trình bày ý tưởng khởi nghiệp.

35. AN NINH VÀ THANH TOÁN SỐ TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

(*Digital Security and Payments in E-commerce*)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	An ninh và Thanh toán số trong Thương mại điện tử
	Tên tiếng Anh	<i>Digital Security and Payments in E-commerce</i>
2	Mã học phần	TM017
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	- Lý thuyết (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết

	- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các giảng viên do Khoa/Bộ môn phụ trách học phần phân công giảng dạy
8	Điều kiện tham gia học phần	
	- Học phần tiên quyết	Không
	- Học phần học trước	Không
	- Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần An ninh và Thanh toán số trong Thương mại điện tử cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và hệ thống về các mối đe dọa an ninh mạng, nguyên lý bảo mật và các cơ chế, công nghệ thanh toán số áp dụng trong môi trường thương mại điện tử. Sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng để phân tích, đánh giá rủi ro và đề xuất giải pháp bảo mật cũng như lựa chọn mô hình thanh toán phù hợp cho các hệ thống và giao dịch thương mại điện tử, đảm bảo an toàn thông tin và tạo niềm tin cho người dùng.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích và phân biệt được các khái niệm cốt lõi, mô hình đe dọa, nguyên lý bảo mật và các phương thức thanh toán số trong thương mại điện tử.
CLO2	K3	Áp dụng được các công cụ và kỹ thuật bảo mật cơ bản để bảo vệ giao dịch và thông tin cá nhân trên môi trường số.
CLO3	S2	Phân tích và đánh giá được rủi ro bảo mật, điểm yếu tiềm tàng trong một kịch bản thương mại điện tử cụ thể, đồng thời so sánh ưu nhược điểm của các phương thức thanh toán số khác nhau.
CLO4	A2	Thiết kế và đề xuất một giải pháp tổng thể về an ninh và thanh toán số cho một doanh nghiệp thương mại điện tử vừa và nhỏ (SME) dựa trên yêu cầu kinh doanh và ngân sách thực tế.

36. PHÂN TÍCH DỮ LIỆU & KINH DOANH SỐ (Data Analytics & Digital Business)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Phân tích Dữ liệu & Kinh doanh số
	Tên tiếng Anh	<i>Data Analytics & Digital Business</i>
2	Mã học phần	TM 018
3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	- Lý thuyết	15 tiết

	– Thực hành, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách học phần	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Phân tích Dữ liệu & Kinh doanh số cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng thực hành về phân tích dữ liệu trong bối cảnh kinh doanh số. Nội dung bao gồm: tổng quan về kinh doanh số và vai trò của dữ liệu; quy trình phân tích dữ liệu; các công cụ và kỹ thuật phân tích, trực quan hóa dữ liệu cơ bản; đo lường và tối ưu hiệu suất trong các lĩnh vực như digital marketing, thương mại điện tử; và các vấn đề đạo đức, quyền riêng tư dữ liệu. Học phần chú trọng vào việc ứng dụng thông qua các bài tập tình huống, case study và dự án thực tế.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Mô tả được quy trình cơ bản của phân tích dữ liệu từ thu thập, làm sạch, phân tích đến trực quan hóa và ra quyết định.
CLO2	K3	Hiểu và phân biệt được các loại dữ liệu, các phương pháp phân tích (mô tả, chẩn đoán, dự đoán, đề xuất) và các công cụ phân tích phổ biến.
CLO3	S2	Thực hiện được một dự án phân tích dữ liệu nhỏ: từ xác định vấn đề kinh doanh, thu thập/làm sạch dữ liệu, phân tích, đến đưa ra insight và đề xuất chiến lược/giải pháp.
CLO4	A2	Có tinh thần phê phán và thận trọng khi diễn giải dữ liệu, ý thức được các hạn chế và rủi ro (như thiên lệch dữ liệu, vấn đề đạo đức về quyền riêng tư).

37. CHIẾN LƯỢC SỐ VÀ TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG (Digital Strategy & Customer Experience)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Chiến lược Số & Trải nghiệm Khách hàng
	Tên tiếng Anh	Digital Strategy & Customer Experience
2	Mã học phần	TM019
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	30 tiết

	– Thực hành, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các giảng viên do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / Theo kế hoạch đào tạo của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Chiến lược Số & Trải nghiệm Khách hàng cung cấp cho người học nền tảng lý thuyết và thực tiễn để xây dựng, triển khai và quản lý một chiến lược số toàn diện, lấy trải nghiệm khách hàng (Customer Experience - CX) làm trung tâm. Người học sẽ hiểu được sự hội tụ giữa công nghệ số, chiến lược kinh doanh và hành vi khách hàng trong kỷ nguyên số.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Phân tích được tầm quan trọng của trải nghiệm khách hàng toàn diện (End-to-End Customer Journey) như một lợi thế cạnh tranh bền vững.
CLO2	K3	Trình bày được mối quan hệ biện chứng giữa công nghệ số (AI, Dữ liệu lớn, IoT, CRM, v.v.), chiến lược kinh doanh và việc thiết kế trải nghiệm khách hàng vượt trội.
CLO3	S2	Thiết kế và đề xuất một chiến lược số tích hợp, bao gồm các yếu tố: Mục tiêu kinh doanh, phân khúc khách hàng, kênh số, công nghệ hỗ trợ và mô hình đo lường hiệu quả.
CLO4	A2	Đánh giá được tác động của chiến lược số đến văn hóa tổ chức và đề xuất hướng thay đổi phù hợp.

38. CHIẾN LƯỢC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ B2B VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG DOANH NGHIỆP (B2B E-commerce Strategy and Enterprise Market Development)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Chiến lược Thương mại điện tử B2B và phát triển thị trường doanh nghiệp
	Tên tiếng Anh	<i>B2B E-commerce Strategy and Enterprise Market Development</i>
2	Mã học phần	TM020
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	30 tiết
	– Thực hành, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các giảng viên do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	

	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / Theo KHĐT
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Chiến lược Thương mại điện tử B2B và phát triển thị trường doanh nghiệp trang bị cho người học nền tảng lý thuyết vững chắc và kỹ năng thực tiễn để thiết kế, triển khai và đánh giá một chiến lược thương mại điện tử B2B hiệu quả, đồng thời làm chủ các phương pháp và công cụ hiện đại để phát triển thị trường doanh nghiệp trong môi trường số.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Nắm vững các thành phần cốt lõi cấu thành một chiến lược TMĐT B2B hoàn chỉnh (từ xác định giá trị, phân khúc thị trường, xây dựng kênh, đến quản trị quan hệ khách hàng).
CLO2	K3	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua của doanh nghiệp (B2B Buyer Journey) và môi trường kinh doanh số B2B.
CLO3	S2	Áp dụng được các công cụ và nền tảng số (CRM, Marketing Automation, Data Analytics, Platform B2B) để hỗ trợ triển khai và tối ưu hóa chiến lược.
CLO4	A2	Hình thành tư duy lấy khách hàng doanh nghiệp làm trung tâm, đề cao giá trị và trải nghiệm trong mọi giao dịch số.

39. VẬN HÀNH SÀN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ THƯƠNG MẠI GIÁI TRÍ (E-commerce Marketplace Operations & Shoppertainment)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Vận hành sàn Thương mại điện tử & Thương mại giải trí
	Tên tiếng Anh	<i>E-commerce Marketplace Operations & Shoppertainment</i>
2	Mã học phần	TM021
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	30 tiết
	– Thực hành, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các giảng viên do Khoa/Bộ môn phân công

8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / Theo KHĐT
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này cung cấp cho người học có khả năng hiểu, phân tích, lập kế hoạch và thực thi các hoạt động vận hành cốt lõi trên các sàn Thương mại điện tử (TMĐT) bán hàng và sàn Thương mại giải trí (Livestream, Social Commerce). Học phần trang bị tư duy hệ thống về mô hình kinh doanh đa nền tảng, kỹ năng quản lý và tối ưu hiệu suất sàn, đáp ứng nhu cầu thực tế của ngành công nghiệp thương mại số.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Phân biệt và giải thích được đặc điểm, mô hình kinh doanh, cấu trúc vận hành của các loại sàn TMĐT (B2C, C2C, B2B) và sàn Thương mại giải trí (dựa trên nội dung video, livestream).
CLO2	K3	Hiểu rõ luồng giao dịch, cơ chế thanh toán, hậu cần, chính sách và hệ sinh thái xung quanh một sàn TMĐT/Giải trí.
CLO3	S2	Áp dụng được các kỹ thuật tối ưu danh sách sản phẩm (Listing Optimization): từ khóa, hình ảnh, mô tả, giá cả để tăng khả năng hiển thị và tỷ lệ chuyển đổi.
CLO4	A2	Nhận diện được các rủi ro trong vận hành sàn (vi phạm chính sách, tranh chấp, an toàn thanh toán) và biện pháp phòng ngừa.

40. XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

(*Web Development & Operations*)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Xây dựng và Vận hành Website Thương mại điện tử
	Tên tiếng Anh	<i>Web Development & Operations</i>
2	Mã học phần	TM022
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	30 tiết
	– Thực hành, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các giảng viên do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / Theo KHĐT
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này trang bị cho người học nền tảng toàn diện về quy trình xây dựng, triển khai và quản lý một website thương mại điện tử chuyên nghiệp. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có đủ năng lực để tự thiết kế, vận hành và tối ưu một gian hàng trực tuyến cơ bản, đồng thời hiểu được các chiến lược vận hành và phát triển website TMĐT trong môi trường kinh doanh số.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Phân tích được cấu trúc, chức năng và các yếu tố then chốt tạo nên một website TMĐT thành công (trải nghiệm người dùng, bảo mật, thanh toán, vận chuyển).
CLO2	K3	So sánh và lựa chọn được các nền tảng/công nghệ phù hợp (ví dụ: WordPress + WooCommerce, Shopify, Magento, OpenCart) cho từng loại hình kinh doanh và quy mô khác nhau.
CLO3	S2	Lập được bản kế hoạch chi tiết cho website TMĐT, bao gồm sơ đồ site, wireframe, kiến trúc thông tin và thiết kế giao diện người dùng (UI) tập trung vào trải nghiệm (UX).
CLO4	A2	Phân tích được các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành (kỹ thuật, kinh doanh) và đề xuất hướng giải quyết phù hợp.

41. HIỆU SUẤT TIẾP THỊ SỐ VÀ QUẢN LÝ KÊNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (Digital Performance Marketing and E-commerce Channel Management)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Hiệu suất Tiếp thị số và quản lý kênh Thương mại điện tử
	Tên tiếng Anh	<i>Digital Performance Marketing and E-commerce Channel Management</i>
2	Mã học phần	(đề xuất) IT001 / CS001
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	30 tiết
	– Thực hành, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các giảng viên do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / Theo KHĐT
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này cung cấp cho người học kiến thức nền tảng và kỹ năng thực hành về hiệu suất tiếp thị số (Performance Marketing) trong môi trường Thương mại điện tử,

bao gồm các công cụ, chiến lược tối ưu hóa và đo lường hiệu quả. Đồng thời, học phần trang bị kỹ năng quản lý và phát triển các kênh bán hàng TMĐT chính (Sàn TMĐT, Website, Mạng xã hội) một cách hệ thống và hiệu quả.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Phân biệt và so sánh được các kênh tiếp thị hiệu suất số phổ biến (Paid Social, SEM/PPC, Affiliate Marketing, Native Advertising, Retargeting...).
CLO2	K3	Trình bày được cấu trúc, đặc điểm, cơ chế vận hành và xu hướng phát triển của các kênh TMĐT chính (Sàn TMĐT như Shopee, Lazada, Tiki; Website bán hàng; Facebook/Instagram Shop; TikTok Shop).
CLO3	S2	Thiết lập và vận hành cơ bản một chiến dịch quảng cáo trên ít nhất một nền tảng (ví dụ: Facebook Ads hoặc Google Ads) hướng đến mục tiêu chuyển đổi trong TMĐT. Thực hiện các thao tác tối ưu hóa chiến dịch dựa trên dữ liệu phân tích (targeting, bidding, creative). Thiết lập và quản lý cửa hàng trên một sàn TMĐT (ví dụ: Shopee) hoặc nền tảng xã hội bán hàng (ví dụ: Facebook Shop).
CLO4	A2	Phản biện và đánh giá các case study thực tế về thành công/thất bại trong quản lý kênh TMĐT và tiếp thị hiệu suất.

42. CHẤT LƯỢNG DIGITAL MARKETING TỔNG THỂ (*Integrated Digital Marketing Strategy*)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Chiến lược Digital Marketing tổng thể
	Tên tiếng Anh	<i>Integrated Digital Marketing Strategy</i>
2	Mã học phần	TM024
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	30 tiết
	– Thực hành, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	

	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học cái nhìn hệ thống và chiến lược về Digital Marketing trong môi trường kinh doanh hiện đại. Học tập trung vào việc phân tích, xây dựng, triển khai, đo lường và tối ưu hóa một chiến lược Digital Marketing tích hợp (Integrated), gắn kết với mục tiêu kinh doanh tổng thể. Sinh viên sẽ làm việc với các case study thực tế, công cụ lập kế hoạch và các nền tảng số chủ chốt để phát triển một kế hoạch chiến lược hoàn chỉnh.

10. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Phân biệt và lý giải được vai trò, sự khác biệt và mối liên hệ giữa các kênh Digital Marketing (SEO, Content, Social Media, Email, Paid Ads...).
CLO2	K3	Hiểu rõ tầm quan trọng của việc tích hợp (integration) các kênh và thông điệp để tạo ra trải nghiệm khách hàng nhất quán.
CLO3	S2	Áp dụng các mô hình lập kế hoạch chiến lược (SOSTAC, RACE, Marketing Funnel) để xây dựng một kế hoạch Digital Marketing tổng thể cho một doanh nghiệp hoặc sản phẩm cụ thể.
CLO4	A2	Làm việc nhóm hiệu quả để hoàn thành dự án xây dựng chiến lược.

43. QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG THÔNG MINH VÀ HẬU CẦN ĐIỆN TỬ (Smart Supply Chain & E-Logistics Management)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Quản lý chuỗi cung ứng thông minh và hậu cần điện tử
	Tên tiếng Anh	<i>Smart Supply Chain & E-Logistics Management</i>
2	Mã học phần	TM025
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	30 tiết
	– Thực hành, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ phận công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không

- Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa
- Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng hiểu, phân tích và đề xuất ứng dụng các công nghệ số tiên tiến (IoT, Big Data, AI, Blockchain...) vào việc tối ưu hóa hoạt động chuỗi cung ứng và logistics, hướng tới xây dựng mô hình chuỗi cung ứng thông minh (Smart SCM), linh hoạt, minh bạch và hiệu quả trong bối cảnh Công nghiệp 4.0 và thương mại điện tử bùng nổ.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Mô tả được kiến trúc tổng thể và các thành phần công nghệ nòng cốt của một chuỗi cung ứng thông minh (ví dụ: IoT, Cảm biến, Dữ liệu lớn, Phân tích kinh doanh, AI/ML, Điện toán đám mây, Blockchain, Robotics & Tự động hóa).
CLO2	K3	Trình bày được cách thức các công nghệ số tác động và chuyển đổi các quy trình cốt lõi của SCM: Hoạch định, Thu mua, Sản xuất, Tồn kho, Phân phối, Vận tải thông minh và Dịch vụ khách hàng.
CLO3	S2	Thiết kế được lộ trình/sơ đồ triển khai cơ bản cho một dự án chuyển đổi số trong một mắt xích cụ thể của chuỗi cung ứng (ví dụ: kho thông minh, vận tải được kết nối).
CLO4	A2	Hình thành tư duy hệ thống và khả năng làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề phức tạp, đa ngành trong môi trường số hóa.

44. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TOÀN CẦU (*Global E-commerce Development Strategy*)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Chiến lược phát triển Thương mại điện tử toàn cầu
	Tên tiếng Anh	<i>Global E-commerce Development Strategy</i>
2	Mã học phần	TM026
3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	- Lý thuyết	15 tiết

	– Thực hành, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này cung cấp cho người học kiến thức tổng quan và hệ thống về thương mại điện tử (TMĐT) trong môi trường toàn cầu. Nội dung tập trung vào việc phân tích môi trường kinh doanh quốc tế, xây dựng và triển khai các mô hình chiến lược TMĐT xuyên biên giới. Người học sẽ được tiếp cận với các vấn đề then chốt như lựa chọn thị trường, thích ứng văn hóa, hậu cần toàn cầu, quản trị rủi ro, phương thức thanh toán quốc tế và các khuôn khổ pháp lý đa quốc gia.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	phân tích được sự khác biệt về môi trường kinh doanh (văn hóa, pháp lý, công nghệ, cạnh tranh) giữa các thị trường và tác động của chúng đến chiến lược TMĐT.
CLO2	K3	Trình bày và so sánh được các mô hình kinh doanh TMĐT toàn cầu chủ yếu (B2C, B2B, C2C, nền tảng xuyên biên giới) và các phương thức thâm nhập thị trường.
CLO3	S2	Xây dựng được một kế hoạch thích ứng/tối ưu hóa sản phẩm, nội dung marketing và trải nghiệm người dùng (UX) cho một thị trường mục tiêu cụ thể, xét đến yếu tố văn hóa và ngôn ngữ.
CLO4	A2	Thể hiện tư duy phân biện và sáng tạo trong việc giải quyết các thách thức thực tế của môi trường kinh doanh số toàn cầu.

45. VẬN HÀNH THỰC TẾ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ XUYÊN BIÊN GIỚI

(*Practical Operations in Cross-border E-commerce*)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Vận hành thực tế Thương mại điện tử xuyên biên giới
	Tên tiếng Anh	<i>Practical Operations in Cross-border E-commerce</i>
2	Mã học phần	TM027
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc

6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	15 tiết
	– Thực hành, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	60 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan và kỹ năng thực tiễn để vận hành một doanh nghiệp thương mại điện tử xuyên biên giới (Cross-border E-commerce). Sinh viên sẽ được trải nghiệm toàn bộ quy trình từ nghiên cứu thị trường, lựa chọn sản phẩm, thiết lập kênh bán, xử lý đơn hàng, quản lý hậu cần và vận chuyển quốc tế, đến marketing đa quốc gia, dịch vụ khách hàng và giải quyết các vấn đề pháp lý, thuế quan. Học phần nhấn mạnh tính thực hành thông qua case study, dự án mô phỏng và sử dụng các nền tảng thương mại điện tử phổ biến như Amazon Global Selling, Alibaba, Shopify, các sàn thương mại điện tử khu vực (Lazada, Shopee quốc tế) hoặc các kênh bán hàng trực tiếp xuyên biên giới (DTC - Direct-to-Consumer).

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Phân tích được sự khác biệt về thị trường, văn hóa, hành vi người tiêu dùng, môi trường pháp lý và chính sách thương mại giữa các khu vực/thị trường mục tiêu.
CLO2	K3	Trình bày được quy trình vận hành chuẩn từ A-Z của một đơn hàng thương mại điện tử xuyên biên giới, bao gồm các khâu then chốt về hậu cần, thanh toán, hải quan và dịch vụ sau bán hàng.
CLO3	S2	Vận dụng được các công cụ và phương pháp để tối ưu hóa sản phẩm, content đa ngôn ngữ và chiến lược giá cho thị trường quốc tế.
CLO4	A2	Hình thành tư duy phân biệt và đạo đức kinh doanh khi đối mặt với các vấn đề như cạnh tranh không lành mạnh, quyền sở hữu trí tuệ, sự khác biệt về tiêu chuẩn chất lượng và pháp luật giữa các quốc gia.

46. THIẾT KẾ TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG VÀ QUẢN LÝ SẢN PHẨM THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (*Customer experience design and e-commerce product management*)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Thiết kế trải nghiệm khách hàng và quản lý sản phẩm Thương mại điện tử
	Tên tiếng Anh	<i>Customer experience design and e-commerce product management</i>
2	Mã học phần	TM028
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	15 tiết
	– Thực hành, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	60 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng phân tích, thiết kế, tối ưu và quản lý trải nghiệm khách hàng (Customer Experience - CX) và vòng đời sản phẩm (Product Lifecycle) trong môi trường thương mại điện tử, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao sự hài lòng của khách hàng và hiệu quả kinh doanh.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Phân tích được mối quan hệ biện chứng giữa thiết kế trải nghiệm khách hàng và chiến lược quản lý sản phẩm đối với sự thành công của một doanh nghiệp TMĐT.
CLO2	K3	Trình bày được các phương pháp, công cụ và chỉ số đo lường (KPIs) để đánh giá và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng (ví dụ: NPS, CSAT, CES, Heatmap, A/B Testing).
CLO3	S2	Thiết kế được wireframe cơ bản và đề xuất cải tiến giao diện (UI) & trải nghiệm người dùng (UX) cho website/ứng dụng TMĐT dựa trên phân tích hành vi khách hàng.

CLO4	A2	Làm việc nhóm hiệu quả để lập kế hoạch và trình bày một dự án cải thiện trải nghiệm khách hàng và chiến lược sản phẩm cho một case study TMĐT.
------	----	--

47. HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ DỮ LIỆU KINH DOANH (*Business Information & Data Systems*)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Hệ thống thông tin & Dữ liệu kinh doanh
	Tên tiếng Anh	Business Information & Data Systems
2	Mã học phần	TM029
3	Số tín chỉ	2
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	15 tiết
	– Thực hành, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về vai trò chiến lược của hệ thống thông tin (HTTT) và dữ liệu trong tổ chức. Sinh viên sẽ hiểu được cách các doanh nghiệp sử dụng HTTT để thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu nhằm hỗ trợ ra quyết định, tối ưu hóa hoạt động và tạo lợi thế cạnh tranh. Học phần kết hợp giữa lý thuyết về HTTT và kỹ năng thực hành cơ bản trong việc khai thác, trình bày dữ liệu kinh doanh.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Mô tả được các quá trình chuyển đổi số, các loại hệ thống thông tin chủ yếu (MIS, DSS, ERP, CRM, SCM, BI) và mối liên hệ của chúng với các cấp quản trị và chức năng nghiệp vụ.

CLO2	K3	Trình bày được kiến thức cơ bản về quản trị dữ liệu, cơ sở dữ liệu, quy trình chuyển đổi dữ liệu thành thông tin và tri thức để ra quyết định.
CLO3	S2	Thiết kế được mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ đơn giản (mức khái niệm) và thực hành truy vấn dữ liệu cơ bản bằng ngôn ngữ SQL.
CLO4	A2	Phát triển khả năng làm việc nhóm để giải quyết một dự án nhỏ về phân tích dữ liệu hoặc đề xuất giải pháp HTTT cho tình huống kinh doanh.

48. ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ BLOCKCHAIN TRONG ĐỔI MỚI MÔ HÌNH KINH DOANH ĐIỆN TỬ (*AI and Blockchain Applications for E-commerce Business Model Innovation*)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và Blockchain trong đổi mới mô hình kinh doanh điện tử
	Tên tiếng Anh	<i>AI and Blockchain Applications for E-commerce Business Model Innovation</i>)
2	Mã học phần	TM030
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	30 tiết
	– Thực hành, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng ứng dụng hai công nghệ nền tảng là Trí tuệ nhân tạo (AI) và Blockchain để phân tích, thiết kế và đề xuất mô hình kinh doanh điện tử đổi mới, tăng tính cạnh tranh trong bối cảnh chuyển đổi số.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Giải thích được các khái niệm cốt lõi, đặc điểm và xu hướng ứng dụng của AI (Machine Learning, NLP, Computer Vision) và Blockchain (cơ chế đồng thuận, hợp đồng thông minh, tokenization) trong lĩnh vực thương mại điện tử.
CLO2	K3	Phân tích được tác động của AI và Blockchain đến chuỗi giá trị, trải nghiệm khách hàng và cấu trúc chi phí trong mô hình kinh doanh điện tử.
CLO3	S2	So sánh và phê phán được ưu nhược điểm của các mô hình kinh doanh điện tử truyền thống so với mô hình tích hợp AI/Blockchain.
CLO4	A2	Trình bày, bảo vệ và phản biện các ý tưởng kinh doanh đổi mới một cách thuyết phục trước đám đông.

49. PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (E-Commerce Systems Analysis & Design)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Phân tích và thiết kế hệ thống Thương mại điện tử
	Tên tiếng Anh	<i>E-Commerce Systems Analysis & Design</i>
2	Mã học phần	TM031
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	30 tiết
	– Thực hành, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có khả năng phân tích, thiết kế và đề xuất giải pháp cho một hệ thống thương mại điện tử (TMĐT) hoàn chỉnh, áp dụng các

nguyên lý phân tích hệ thống thông tin vào bối cảnh kinh doanh trực tuyến cụ thể, từ giai đoạn lập kế hoạch đến thiết kế kiến trúc và giao diện.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Giải thích được các mô hình kinh doanh TMĐT (B2B, B2C, C2C, B2G...), các thành phần cốt lõi và xu hướng phát triển của một hệ thống TMĐT hiện đại.
CLO2	K3	Phân biệt được các quy trình nghiệp vụ đặc thù trong TMĐT (mua hàng, thanh toán, logistics, CSKH) so với kinh doanh truyền thống.
CLO3	S2	Mô hình hóa được các quy trình nghiệp vụ chính (Business Process Modeling) bằng các công cụ như BPMN hoặc UML Activity Diagram (ví dụ: quy trình đặt hàng, xử lý thanh toán, trả hàng).
CLO4	A2	Làm việc hiệu quả theo nhóm để phân tích, thiết kế và trình bày một đề án hệ thống TMĐT hoàn chỉnh.

50. KINH DOANH TRÊN SÀN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ MẠNG XÃ HỘI

(Business on e-commerce and social networks)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Kinh doanh trên sàn Thương mại điện tử và mạng xã hội
	Tên tiếng Anh	<i>(Business on e-commerce and social networks)</i>
2	Mã học phần	TM032
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	30 tiết
	– Thực hành, thảo luận <i>(bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)</i>	30 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa

Học phần song hành	Không
--------------------	-------

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức tổng quan và kỹ năng thực tiễn để xây dựng và vận hành một kênh kinh doanh hiệu quả trên các sàn Thương mại điện tử (TMDT) phổ biến (Shopee, Lazada, Tiki, Amazon...) và nền tảng mạng xã hội (Facebook, Instagram, Tiktok, Zalo...). Trọng tâm bao gồm: chiến lược lựa chọn kênh, tối ưu cửa hàng và hồ sơ, quảng cáo đa nền tảng, quản lý vận hành, dịch vụ khách hàng và đo lường hiệu quả.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Trình bày được quy trình tổng thể để thiết lập và vận hành một gian hàng/kênh bán hàng trên sàn TMDT và mạng xã hội.
CLO2	K3	Giải thích được các nguyên tắc cơ bản về thuật toán, cơ chế xếp hạng sản phẩm và chính sách quảng cáo trên các nền tảng.
CLO3	S2	Thiết kế được chiến lược nội dung (Content Strategy) và lập kế hoạch đăng bài (Content Calendar) phù hợp để thu hút và tương tác với khách hàng trên mạng xã hội.
CLO4	A2	Hình thành tư duy khởi nghiệp, tư duy dựa trên dữ liệu (data-driven) và đạo đức kinh doanh trong môi trường số.

51. QUẢN TRỊ DỰ ÁN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Quản trị dự án Thương mại điện tử
	Tên tiếng Anh	<i>E-Commerce Project Management</i>
2	Mã học phần	TM033
3	Số tín chỉ	4
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Bắt buộc
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	tiết
	– Thực hành, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	180 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	120 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa

	– Học phần song hành		Không
--	----------------------	--	-------

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này giúp cho sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về quản trị dự án Thương mại điện tử, được thực tập về lập kế hoạch dự án, triển khai dự án, đề xuất giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong dự án.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Trình bày và so sánh được các phương pháp, mô hình triển khai dự án TMDT phổ biến (VD: Agile/Scrum, Waterfall, Hybrid) phù hợp với từng loại hình dự án (startup, triển khai phần mềm, cải tiến hệ thống...).
CLO2	K3	Phân tích được vòng đời dự án (Project Lifecycle) và các quy trình quản trị theo nhóm kiến thức (10 lĩnh vực theo PMI) được áp dụng cho dự án TMDT.
CLO3	S2	Xây dựng được các công cụ lập kế hoạch chính: Cấu trúc phân việc (WBS), Lịch biểu dự án (Tiến độ Gantt), Ngân sách dự toán, Kế hoạch quản lý rủi ro cho một dự án TMDT mẫu.
CLO4	A2	Hình thành tư duy phản biện và sáng tạo trong việc đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong dự án.

52. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (English for E-Commerce)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Tiếng Anh chuyên ngành Thương mại điện tử
	Tên tiếng Anh	English for E-Commerce
2	Mã học phần	TM034
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Tự chọn theo định hướng
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	15 tiết
	– Thực hành, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	60 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không

	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần trang bị cho sinh viên từ vựng và mẫu câu tiếng Anh chuyên ngành thương mại – kinh doanh – TMĐT. Nội dung bao gồm: giao tiếp với khách hàng và đối tác, mô tả sản phẩm – dịch vụ, quy trình đặt hàng – thanh toán – giao hàng, điều khoản TMĐT, email và tài liệu nghiệp vụ cơ bản. Học phần giúp sinh viên có khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành và giao tiếp nghiệp vụ đơn giản bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh số.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Trình bày được vốn từ vựng và cấu trúc câu cơ bản liên quan tới lĩnh vực thương mại, kinh doanh và thương mại điện tử bằng tiếng Anh.
CLO2	S2	Đọc hiểu được các văn bản chuyên ngành đơn giản (email, thông báo, mô tả sản phẩm, quy trình đặt hàng, điều khoản TMĐT...) và rút ra thông tin chính.
CLO3	S2	Viết được email, bản mô tả sản phẩm, đoạn giới thiệu doanh nghiệp và trao đổi nghiệp vụ đơn giản bằng tiếng Anh trong bối cảnh TMĐT.
CLO4	A2	Thể hiện thái độ chủ động luyện tập, tự tin giao tiếp bằng tiếng Anh chuyên ngành; tôn trọng chuẩn mực giao tiếp quốc tế.

53. TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Tiếng Trung chuyên ngành Thương mại điện tử
	Tên tiếng Anh	<i>Chinese for E-Commerce</i>
2	Mã học phần	TM035
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Tự chọn theo định hướng
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	15 tiết
	– Thực hành, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	60 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp từ vựng, cấu trúc câu và mẫu câu tiếng Trung thường dùng trong giao dịch thương mại và TMĐT với đối tác Trung Quốc: giới thiệu doanh nghiệp, sản phẩm, chào hàng, hỏi giá, đặt hàng, thanh toán, giao nhận, xử lý khiếu nại. Thông qua luyện tập nghe – nói – đọc – viết, sinh viên có thể thực hiện trao đổi nghiệp vụ cơ bản bằng tiếng Trung, hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh với thị trường Trung Quốc.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Trình bày được vốn từ vựng, cấu trúc câu và mẫu câu cơ bản tiếng Trung trong giao dịch thương mại & TMĐT.
CLO2	S2	Đọc hiểu được các văn bản tiếng Trung đơn giản liên quan đến hợp đồng, đơn hàng, giới thiệu sản phẩm, trao đổi với đối tác Trung Quốc.
CLO3	S2	Viết được thư tín thương mại ngắn, trao đổi nghiệp vụ cơ bản và giao tiếp đơn giản bằng tiếng Trung trong bối cảnh TMĐT.
CLO4	A2	Thể hiện tinh thần nghiêm túc, chủ động rèn luyện tiếng Trung; tôn trọng phong tục, văn hóa và cách ứng xử trong giao tiếp thương mại với đối tác Trung Quốc.

54. KINH DOANH DROPSHIPPING & POD TOÀN CẦU TRÊN NỀN TẢNG SỐ

(*Global Dropshipping and Print-on-Demand E-commerce Business*)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Kinh doanh Dropshipping & POD toàn cầu trên nền tảng số
	Tên tiếng Anh	<i>Global Dropshipping and Print-on-Demand E-commerce Business</i>
2	Mã học phần	TM036
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Tự chọn định hướng
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	15 tiết
	– Thực hành, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	60 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này cung cấp kiến thức nền tảng và kỹ năng thực tiễn để xây dựng, vận hành và phát triển một mô hình kinh doanh thương mại điện tử xuyên biên giới dựa trên hai mô hình phổ biến: Dropshipping và Print-On-Demand (POD). Học phần tập trung vào việc ứng dụng các nền tảng số (platform) toàn cầu để tạo ra doanh thu bền vững.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Phân tích và so sánh được ưu điểm, nhược điểm, rủi ro và cơ hội của từng mô hình, từ đó lựa chọn mô hình phù hợp với mục tiêu kinh doanh.
CLO2	K3	Nắm vững hệ sinh thái các nền tảng số hỗ trợ: Nền tảng bán hàng (Shopify, WooCommerce), nền tảng tìm nguồn hàng (AliExpress, Spocket, CJDropshipping), nền tảng POD (Printful, Printify, Gooten), và nền tảng quảng cáo (Facebook Ads, Google Ads, TikTok Ads).
CLO3	S2	Kỹ năng xây dựng cửa hàng trực tuyến chuyên nghiệp: Thiết lập và tùy chỉnh một cửa hàng trên nền tảng Shopify (hoặc tương đương) với giao diện thân thiện, tối ưu tỷ lệ chuyển đổi (CRO).
CLO4	A2	Có tính kỷ luật và trách nhiệm cao trong việc tự tổ chức, quản lý công việc và tài chính của một doanh nghiệp trực tuyến.

55. QUẢN TRỊ RỦI RO SỐ VÀ CHIẾN LƯỢC AN NINH DOANH NGHIỆP ĐIỆN TỬ (Digital Risk Management & E-business Security Strategy)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Quản trị Rủi ro Số và Chiến lược An ninh Doanh nghiệp Điện tử
	Tên tiếng Anh	<i>Digital Risk Management & E-business Security Strategy</i>
2	Mã học phần	TM037
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Tự chọn định hướng
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	15 tiết
	– Thực hành, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	60 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	

	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này trang bị cho người học nền tảng lý thuyết và kỹ năng thực hành để nhận diện, đánh giá, xử lý rủi ro trong môi trường số và xây dựng chiến lược an ninh tổng thể cho doanh nghiệp điện tử (e-business). Học phần nhấn mạnh sự kết hợp giữa tư duy chiến lược, quản trị và giải pháp công nghệ.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Trình bày và phân biệt được các khung quản trị rủi ro an toàn thông tin phổ biến (như ISO 27005, NIST CSF, NIST SP 800-30, FAIR) và mô hình quản trị an ninh (như Defense in Depth, Zero Trust).
CLO2	K3	Phân tích được mối liên hệ giữa chiến lược kinh doanh điện tử, quy trình nghiệp vụ và yêu cầu quản trị rủi ro an ninh thông tin.
CLO3	S2	Xây dựng được các thành phần cơ bản của một chiến lược an ninh doanh nghiệp điện tử, bao gồm chính sách an ninh, kế hoạch xử lý sự cố (IRP), kế hoạch phục hồi sau thảm họa (DRP) và kế hoạch nâng cao nhận thức bảo mật.
CLO4	A2	Có khả năng làm việc nhóm để thảo luận, phân chia công việc và xây dựng báo cáo/bài thuyết trình về một dự án quản trị rủi ro số giả định.

56. PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DI ĐỘNG VÀ TRẢI NGHIỆM MUA SẮM DI ĐỘNG

(*Mobile App Development and Mobile Shopping Experience*)

1	Tên học phần (TV)	Phát triển Ứng dụng Di động và Trải nghiệm Mua sắm Di động
	Tên tiếng Anh	<i>Mobile App Development and Mobile Shopping Experience</i>
2	Mã học phần	TM038
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Tự chọn định hướng
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	15 tiết
	– Thực hành, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	60 tiết
	– Tự học, NCKH, trải nghiệm	90 giờ

7	Các giảng viên phụ trách HP	Các giảng viên do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia HP	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / Theo KHĐT của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này cung cấp cho người học kiến thức tổng hợp và kỹ năng thực hành để: Thiết kế và phát triển một ứng dụng di động (ưu tiên nền tảng iOS/Android), hoặc đa nền tảng) với chức năng mua sắm/thương mại điện tử cơ bản. Phân tích và đánh giá trải nghiệm người dùng (UX) trên ứng dụng mua sắm di động, từ đó đề xuất cải tiến. Áp dụng các nguyên tắc thiết kế giao diện (UI), tối ưu hiệu suất và tính bảo mật trong bối cảnh ứng dụng thương mại. Hiểu rõ hệ sinh thái mua sắm di động, các xu hướng công nghệ (như AI, AR) và yếu tố tác động đến hành vi người tiêu dùng trên thiết bị di động.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Phân biệt được các mô hình phát triển ứng dụng di động (Native, Cross-platform, PWA) và ưu nhược điểm của từng mô hình trong ngữ cảnh mua sắm.
CLO2	K3	Mô tả được quy trình thiết kế UX/UI tập trung vào người dùng (User-Centered Design) cho ứng dụng mua sắm.
CLO3	S2	Phát triển được một ứng dụng di động (ít nhất trên một nền tảng) có các chức năng thương mại điện tử cơ bản: danh mục sản phẩm, giỏ hàng, trang chi tiết sản phẩm, tính năng đặt hàng.
CLO4	A2	Trình bày, bảo vệ được ý tưởng thiết kế và sản phẩm ứng dụng trước nhóm và giảng viên.

57. KỸ NĂNG TÌM NGUỒN HÀNG VÀ ĐÀM PHÁN THƯƠNG MẠI (THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC) (*Sourcing Skills & Commercial Negotiation (China Market)*)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Kỹ năng tìm nguồn hàng & Đàm phán thương mại (Thị trường Trung Quốc)
	Tên tiếng Anh	<i>(Sourcing Skills & Commercial Negotiation (China Market)</i>
2	Mã học phần	TM039
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Tự chọn định hướng

6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	15 tiết
	– Thực hành, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	60 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần trang bị cho người học bộ công cụ toàn diện và thực tiễn để tiếp cận, tìm kiếm, đánh giá nguồn hàng từ thị trường Trung Quốc - một trong những trung tâm cung ứng toàn cầu. Đồng thời, học phần tập trung phát triển kỹ năng đàm phán hiệu quả, có tính đến yếu tố văn hóa đặc thù, nhằm giúp người học tự tin thiết lập và quản lý mối quan hệ thương mại bền vững với các đối tác Trung Quốc.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Phân tích được hệ thống các tiêu chuẩn, quy định (hàng rào kỹ thuật, hải quan, chứng nhận) và văn hóa kinh doanh đặc thù của Trung Quốc ảnh hưởng đến hoạt động tìm nguồn và đàm phán.
CLO2	K3	Giải thích được quy trình tìm nguồn hàng hiệu quả, từ nghiên cứu, đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp đến quản lý rủi ro.
CLO3	S2	Vận dụng được các kỹ năng đàm phán cốt lõi (lập kế hoạch, giao tiếp, thuyết phục, ra quyết định, xử lý bế tắc) và kỹ năng giao tiếp liên văn hóa khi làm việc với đối tác Trung Quốc.
CLO4	A2	Thể hiện thái độ chuyên nghiệp, tôn trọng sự khác biệt văn hóa, tuân thủ đạo đức kinh doanh và pháp luật trong giao dịch thương mại quốc tế.

58. TIẾP THỊ TRONG HỆ SINH THÁI WECHAT VÀ DOUYIN (*Marketing in the WeChat & Douyin Ecosystem*)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Tiếp thị trong hệ sinh thái WeChat và Douyin
	Tên tiếng Anh	<i>(WeChat & Douyin Ecosystem Marketing)</i>
2	Mã học phần	TM040
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành

5	Loại học phần	Tự chọn theo định hướng
6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	15 tiết
	– Thực hành, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	60 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần trang bị cho người học bộ công cụ toàn diện và thực tiễn để tiếp cận, tìm kiếm, đánh giá nguồn hàng từ thị trường Trung Quốc - một trong những trung tâm cung ứng toàn cầu. Đồng thời, học phần tập trung phát triển kỹ năng đàm phán hiệu quả, có tính đến yếu tố văn hóa đặc thù, nhằm giúp người học tự tin thiết lập và quản lý mối quan hệ thương mại bền vững với các đối tác Trung Quốc.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Phân tích được hệ thống các tiêu chuẩn, quy định (hàng rào kỹ thuật, hải quan, chứng nhận) và văn hóa kinh doanh đặc thù của Trung Quốc ảnh hưởng đến hoạt động tìm nguồn và đàm phán.
CLO2	S2	Giải thích được quy trình tìm nguồn hàng hiệu quả, từ nghiên cứu, đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp đến quản lý rủi ro.
CLO3	S2	Vận dụng được các kỹ năng đàm phán cốt lõi (lập kế hoạch, giao tiếp, thuyết phục, ra quyết định, xử lý bế tắc) và kỹ năng giao tiếp liên văn hóa khi làm việc với đối tác Trung Quốc.
CLO4	A2	Thể hiện thái độ chuyên nghiệp, tôn trọng sự khác biệt văn hóa, tuân thủ đạo đức kinh doanh và pháp luật trong giao dịch thương mại quốc tế.

59. CHIẾN LƯỢC SÁNG TẠO NỘI DUNG VÀ SEO NÂNG CAO (*Creative Content Strategy & Advanced SEO*)

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Chiến lược sáng tạo nội dung & SEO nâng cao
	Tên tiếng Anh	<i>Creative Content Strategy & Advanced SEO</i>
2	Mã học phần	TM041
3	Số tín chỉ	3
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức ngành, chuyên ngành
5	Loại học phần	Tự chọn theo định hướng
6	Phân bổ thời gian	

	– Lý thuyết	15 tiết
	– Thực hành, thảo luận (<i>bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ</i>)	60 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Không
	– Học phần học trước	Không / theo KHĐT của Khoa
	– Học phần song hành	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu và kỹ năng thực hành để xây dựng, triển khai và đánh giá một chiến lược tích hợp giữa sáng tạo nội dung có giá trị và kỹ thuật SEO tối ưu. Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng thiết kế chiến lược nội dung dài hạn, tối ưu hóa kỹ thuật nâng cao nhằm thống trị thứ hạng tìm kiếm, thu hút và chuyển đổi khách hàng mục tiêu trong môi trường kỹ thuật số cạnh tranh.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K2	Trình bày và so sánh được các mô hình sáng tạo nội dung (Content Pillar, Topic Cluster, Customer Journey Mapping) và các thuật toán tìm kiếm cốt lõi (như Google's E-E-A-T, YMYL, Helpful Content Update).
CLO2	K3	Hiểu sâu và lý giải được các kỹ thuật SEO nâng cao: SEO kỹ thuật (Technical SEO), SEO cho người dùng (On-page & UX SEO), SEO địa phương (Local SEO) và xây dựng liên kết (Link Building) có chiến lược.
CLO3	S2	Thực hiện được việc nghiên cứu và phân tích từ khóa nâng cao, tối ưu hóa nội dung và cấu trúc website theo chuẩn SEO, đáp ứng cả mục đích tìm kiếm và trải nghiệm người dùng.
CLO4	A2	Làm việc hiệu quả theo nhóm để lên kế hoạch và triển khai một dự án Chiến lược nội dung & SEO hoàn chỉnh, cũng như trình bày và bảo vệ được chiến lược của mình.

60. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Thực tập tốt nghiệp
	Tên tiếng Anh	Payment Systems & E-commerce Security
2	Mã học phần	TM042
3	Số tín chỉ	4
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức tốt nghiệp
5	Loại học phần	Bắt buộc

6	Phân bổ thời gian	
	– Lý thuyết	0 tiết
	– Thực hành, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	180 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	120 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn Thương mại điện tử phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Đã tích lũy từ 100TC trở lên
	– Học phần học trước	Dự án Thương mại điện tử tổng hợp
	– Học phần song hành	Khoá luận tốt nghiệp

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần tạo cơ hội để sinh viên trải nghiệm môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh, TMĐT, logistics, marketing số... Sinh viên được quan sát, tham gia vào một số công việc cụ thể, ghi chép nhật ký, trao đổi với người hướng dẫn và hoàn thành báo cáo thực tập. Học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học, rèn tác phong nghề nghiệp, kỹ năng mềm và định hướng phát triển nghề nghiệp sau khi ra trường.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K3	Vận dụng được kiến thức chuyên môn đã học để nhận diện hoạt động, quy trình và mô hình tổ chức tại đơn vị thực tập trong lĩnh vực kinh doanh/TMĐT.
CLO2	S3	Thực hiện được các nhiệm vụ được giao tại đơn vị thực tập với chất lượng và tiến độ đáp ứng yêu cầu, tuân thủ nội quy, quy trình làm việc.
CLO3	S3	Viết được báo cáo thực tập và trình bày được kết quả, kinh nghiệm rút ra, đề xuất một số giải pháp/đề xuất cải tiến phù hợp thực tiễn đơn vị.
CLO4	A3	Thể hiện tác phong chuyên nghiệp, chủ động, trung thực, có trách nhiệm cao trong môi trường làm việc thực tế; tôn trọng pháp luật và văn hóa doanh nghiệp.

61. KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

1	Tên học phần (tiếng Việt)	Khoá luận tốt nghiệp
	Tên tiếng Anh	Graduation Thesis
2	Mã học phần	TM043
3	Số tín chỉ	8
4	Thuộc khối kiến thức/kỹ năng	Kiến thức tốt nghiệp
5	Loại học phần	Tự chọn
6	Phân bổ thời gian	

	– Lý thuyết	0 tiết
	– Thực hành, thảo luận (bao gồm ôn tập & kiểm tra giữa kỳ)	360 tiết
	– Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	240 giờ
7	Các giảng viên phụ trách HP	Các GV do Khoa/Bộ môn phân công
8	Điều kiện tham gia học phần	
	– Học phần tiên quyết	Sinh viên đã tích lũy từ 100 TC trở lên
	– Học phần học trước	Dự án Thương mại điện tử tổng hợp
	– Học phần song hành	Thực tập tốt nghiệp

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần giúp sinh viên có năng lực nghiên cứu, thực hiện đề tài chuyên sâu trong lĩnh vực Thương mại điện tử hoặc các lĩnh vực liên quan. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên lựa chọn đề tài, tổng quan lý thuyết, thu thập và phân tích dữ liệu, đề xuất giải pháp/mô hình ứng dụng và bảo vệ kết quả trước hội đồng. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy nghiên cứu, khả năng phân tích – tổng hợp, viết báo cáo khoa học và trình bày thuyết phục, đồng thời là minh chứng quan trọng cho năng lực tốt nghiệp.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
CLO1	K3	Xác định và trình bày được vấn đề nghiên cứu/đề tài phù hợp trong lĩnh vực Thương mại điện tử hoặc lĩnh vực liên quan, có cơ sở lý luận và thực tiễn rõ ràng.
CLO2	K3	Vận dụng được kiến thức, phương pháp nghiên cứu và công cụ phân tích để thu thập, xử lý và phân tích số liệu, thông tin phục vụ đề tài.
CLO3	S3	Viết được báo cáo khóa luận có cấu trúc khoa học, lập luận logic, đề xuất giải pháp/kiến nghị có căn cứ; trình bày và bảo vệ được kết quả trước hội đồng.
CLO4	A3	Thể hiện tinh thần tự học, tự nghiên cứu, trung thực khoa học, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và chịu trách nhiệm về kết quả nghiên cứu của bản thân.

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Căn cứ pháp lý để xây dựng chương trình đào tạo

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

8.2. Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình

- Về cơ bản sinh viên thực hiện CTĐT theo nguyên tắc khối kiến thức chung thực hiện trước, khối kiến thức cơ sở và khối kiến thức ngành thực hiện sau. Một số học phần của khối kiến thức cơ sở và khối kiến thức ngành có thể bố trí xen kẽ trong các học kỳ đầu để đảm bảo tiến trình đào tạo.

- Loại hình và thời gian đào tạo: Áp dụng đào tạo cử nhân ngành Thương mại điện tử trình độ đại học, với tổng thời gian đào tạo là 4 năm. Sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ là 4 năm học. Sinh viên có thể học tăng thêm khối lượng tín chỉ của mỗi học kỳ để có thể tốt nghiệp sớm 1 học kỳ (3 năm rưỡi). Tuy nhiên sinh viên học tăng khối lượng cần chú ý cân nhắc thời gian, lực học và kinh phí để không bị hủy môn hoặc kết quả học thấp.

8.3. Trách nhiệm của các đơn vị đào tạo

Phải thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình; cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên giảng dạy từng học phần để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

Cố vấn học tập phải hiểu nội dung, hình thức thực hiện chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

Chuẩn bị đầy đủ học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mô đun kiến thức của học phần tiên quyết, học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

8.4. Trách nhiệm của giảng viên

8.4.1. Trách nhiệm về giảng dạy

Giảng viên phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

Giảng viên phải cung cấp học liệu cho sinh viên trước khi lên lớp để sinh viên chuẩn bị bài trước khi nghe giảng.

Tổ chức cho sinh viên các buổi thảo luận, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực lấy sinh viên làm trung tâm; coi trọng sự chủ động trong học tập và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên tôn trọng “thực học, thực hành”.

- Áp dụng các phương pháp dạy – học phát huy được tích cực, sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên thực hành các năng lực nghề nghiệp.

8.4.2. Trách nhiệm về kiểm tra, đánh giá:

Theo Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Theo Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Đông Đô. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên: Thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo và khi kết thúc khóa **học dựa** vào chuẩn kiến thức và kỹ năng đầu ra của ngành



Thương mại điện tử, chuẩn đầu ra cho từng học phần được đánh giá theo các tiêu chí quy định.

8.5. Trách nhiệm của sinh viên

Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với điều kiện của bản thân và tiến độ.

Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng, phải lên lớp đầy đủ thời gian để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi thảo luận.

Tích cực khai thác các tài liệu trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đề án tốt nghiệp, thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG

TS. Đào Hải